

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

THUẦN-TÂM - NHỰT-QUANG

TAM TỔ TĂNG-XÁN

# TÍN TÂM MINH

*Nghĩa Giải*



LĂNG-NGHIÊM THIÊN-VIÊN

TRI-THỨC ấn-hành

thuvienhuequang.vn







THUẦN-TÂM  
NHỰT-QUANG

ĐẠI-SƯ  
**TẶNG-XÁN**

TAM TỔ THIÊN - TÔNG ĐÔNG - ĐỘ

TÍN, TÂM, MINH TỰ TÁNH,  
BA TÁNH ĐỒNG MỘT THÈ.  
MỘT THÈ LUẬN THÀNH BA,  
RÕ THÔNG LÀ PHẬT TÁNH,

LĂNG-NGHIÊM THIÊN-VIỆN

thuvienhuequang.vn

## CÙNG MỘT TÁC - GIẢ

### TỊNH - ĐỘ :

- NGƯỜI CƯ-SĨ TÌM TU
- TÌM HIỂU ĐẠO PHẬT (2 quyển)
- TÌM HIỂU KINH DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ
- HẠNH-NGUYỄN VĨNG-SANH  
(Trích Kinh Hoa-Nghiêm)

### THIỀN VÀ TRIẾT :

- NGƯỜI CƯ-SĨ TU-THIỀN
- NGƯỜI CƯ-SĨ TRÍ-HUỆ
- THIỀN-ĐỊNH THỰC-HÀNH
- THIỀN-ĐỊNH ĐẠI-ĐỊNH cùng với Nawami
- KIM-CANG ĐẠI-ĐỊNH —
- THIỀN-HỌC, TRIẾT-HỌC (3 quyển) —
- THIỀN-LUẬN YOGA Mạt-Pháp Thiền-Sư

Kính dâng :

*Thượng-Tọa Thích-Thanh-Từ !*

*Lòng tri ân và công đức suy luận,  
sưu khảo soạn phần này.*

*T. T. và N. Q*





# THAY LỜI TỰA

## NỖI LÒNG...

Trọng tâm soạn-phẩm này là trình bày triết-lý Tín-Tâm-Minh của Tam tổ Tăng-Xán.

Thiền-gia<sup>1</sup> nếu chưa đến chỗ Tín-Tâm-Minh tức là chưa vào ngưỡng cửa của nhà Thiền. Vì trọng tâm của Thiền buổi sơ ngộ là Chỉ-Quán, nếu không Tâm-Minh thì căn cứ nơi đâu để phân biệt thiện ác hầu thực hành phần giới “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”.

Tiến lên một tầng nữa, nếu không Tín-Tâm-Minh thì làm sao sống trong cô đơn, xa thầy lìa bạn được. Nếu còn luyến-ái thầy bạn thì chưa đến được chơn-không, chưa vào vòng Kim-Cang, chưa hiểu biết ý-nghĩa “không trung”<sup>2</sup> đưa mình về đâu?...

Đối với quý bạn cư-sĩ, tôi đã đưa quý bạn đi quá xa rồi...và thay lời TỰA, tôi xin ghi nỗi lòng của tôi trong lúc thoát ra khỏi cảnh cô đơn đầy thắc mắc.

## CÁI THẤY !

(Không phải do con mắt)

Có một vài chim én,  
Tưởng làm được mùa Xuân !

(1) Xin đừng lầm tưởng với Thiền-sư.

(2) Xem Tâm Kinh.

Lại có loài chim Bằng,  
Chưa gặp cơn gió bão,  
Vui cùng loài chim Sẻ,  
Lượn xó bếp đầu hè !

— Thương thay Tâm hạ liệt,  
An phận lo đồ phần,  
Đang ở trong nhà lửa,  
Vẫn thản nhiên vui đùa !

— Phật pháp đâu quá hẹp,  
Chỉ một Kinh Di-Đà.  
Hay pháp môn Tứ-đế,  
Hay riêng phần Giới Kinh.

— Phật đã dạy những gì ?  
Đâu phải phần Luận tạng.  
Kinh Như thị ngã văn.  
Văn mà không Tư, Tu.  
Văn có ích lợi gì ?

— Thương thay bọn người ngu,  
Lại với bọn người mù !  
Tôi đã vụng đường tu,  
Bị tù hãm nơi đây !

— Giờ đây tôi đã thấy,  
Lại ước muốn được đui,  
Để tự tìm an vui...  
Vì chỉ có bọn đui,  
Lo vui chơi, hách dịch,  
Đang làm việc phản nghịch,  
Cùng Phật pháp chánh tông.

— Mấy ai đã vào dòng,  
Thiền-định và an-tịnh,

Cãm thông được cái thấy,  
Không phải do con mắt.  
Là cái thấy chơn thật,  
Thấy thực tướng của Phật.  
Thấy được đạo Bồ-đề.  
Thấy con đường trở về.  
Thấy quê xưa chốn cũ.  
Thấy biết chiếc xe trâu,  
Sẽ đưa mình về đâu ?  
Khi hành Văn, Tư, Tu,  
Quán-Tự-Tại, chiếu-kiến...  
Ngũ-uẩn vốn là không,  
Mới thật là cái Thấy.  
Thấy thật-tướng bất-nhi.

### VÒNG LIÊN-TỤC

Những gì đã đi qua ?  
Những gì lại sẽ đến ?  
Ai là người nhân-chứng ?  
Vòng hiện-tại liên tục !  
Ai đi qua ?... Chúng sanh !  
Ai sẽ đến ?... Bồ-tát !  
Ai nhân chứng ?... Như-Lai !  
Tất cả đều là Ta !

Vòng hiện-tại liên tục,  
Không gian và thời gian,  
Nhơn quả và luân hồi,  
Ta tạm mình mãi mãi...

Dứt hẳn vòng liên tục,  
Tự tìm được giải-thoát,  
Về cảnh giới Niết-Bàn,  
Chỉ có Ta và Ta...

### VÔ SỰ, TÂM MINH!

*Những con chim bằng, chưa gặp cơn gió bão thì chưa có định hướng. Tất cả mọi dấu chim bay không định hướng, đều giống nhau cả...*

*Chỉ có người thức giả mới cảm thông!*

*Người chưa Tín Tâm Minh thì luôn mong cầu vào tha lực... Vì nhiệm giáo-ly tìm cầu bên ngoài, cũng như phàm phu lệ thuộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà không bao giờ thực hành Quán-tự-tại được.*

— Gì là Tâm-Minh?

— Tự tín là Tâm-Minh, cô đơn là Tâm-Minh, chơn-không là Tâm-Minh, vô-tướng là Tâm-Minh, vân vân. Tóm tắt chơn-ly là Tâm-Minh, ánh sáng là Tâm-Minh, Như-Lai là Tâm-Minh. Rốt-ráo Tâm-Minh tức là Đại-viên cảnh-trí.

*Trước khi tạm dừng, tiếng vọng thẳm lặng truyền chuyên "Vô sự, Tâm-Minh".*

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐẠI-SƯ TĂNG-XÁN**

SƯU-KHẢO — LUẬN-GIẢI của THUẦN-TÂM

## MỤC LỤC PHẦN I

### *Chương I*

Thiền-Tông Ấn-Độ

Thiền-Tông Trung-Hoa

### *Chương II*

Đại-Sư Tăng-Xán

### *Chương III*

Tín Tâm Minh giảng-lý

*Thay lời kết luận*

## CHƯƠNG I

### THIÊN-TÔNG ẤN-ĐỘ

Trên lãnh-vực tu-hành, tại Việt-Nam nói riêng, tại các nước thuộc ảnh hưởng văn-hóa của Trung-Hoa nói chung, từ ngày Thiên-Tông tại Tây-Thiên-Trúc (Ấn-Độ) truyền sang Đông-Độ (Trung-Hoa), đạo Phật đã chuyển biến từ Thiên qua Tịnh<sup>1</sup>. Nếu nhận xét kỹ thì tức là từ Đốn trở về Tiệm. Phật giáo Nguyên Thủy (Théravada) cũng thuộc về Tiệm giáo, lấy từng bực A-la-Hán làm cứu cánh.

Đốn là trực nhận, là giác ngộ do nơi mắt thấy tai nghe... Như Ngài Maha Ca-Diếp đại đệ-tử của Phật, lúc thấy Phật cầm hoa sen nơi giáo hội Linh Sơn, Ngài liền trực nhận, hiểu ngay ý nghĩa sâu mầu, không có thêm một lời dạy bảo nào khác của Phật. Ấy gọi là Đốn, là Ngộ, là Chánh Pháp Nhân Tạng mà Đức Phật Thích-Ca đã truyền cho Ngài Maha Ca-Diếp. Kế tiếp Ngài A-nan tôn giả được Ngài Maha Ca-Diếp truyền lại tâm ấn, vân vân.

Sự truyền nối này tiếp tục tại Ấn độ trải qua 28 đời, cho đến vị tổ cuối rốt là Ngài Bồ-đề Đạt-Ma.

### NHỮNG BÀI KỆ TRUYỀN PHÁP

I— Phật Thích-Ca truyền kệ cho Ngài Ma-ha Ca-Diếp:

(1) Muốn biết về Tịnh-độ xin đọc : «Tìm hiểu Đạo Phật» (2 quyển)



Pháp bốn pháp vô pháp<sup>1</sup>,  
 Vô pháp, pháp diệt pháp<sup>2</sup>,  
 Kim phó vô pháp thời<sup>3</sup>,  
 Pháp pháp hà tăng pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Pháp gốc pháp không pháp,  
 Pháp không pháp cũng pháp,  
 Nay khi trao không pháp,  
 Mỗi pháp đâu từng pháp.

- (1) Tất cả đều là pháp. Pháp và pháp Không.
- (2) Pháp Không hay pháp, đều là pháp.
- (3) Nay ta truyền giáo pháp Không này, nên gìn giữ luôn luôn.
- (4) Các pháp khác đều không phải (chánh pháp).

2— Tổ Ca-Diếp đem chánh pháp nhãn tạng truyền cho Ngài A-Nan qua bài kệ :

Pháp pháp bốn lai pháp<sup>1</sup>,  
 Vô pháp vô phi pháp<sup>2</sup>,  
 Hà ư nhất pháp trung<sup>3</sup>,  
 Hữu pháp hữu phi pháp<sup>4</sup>,

*Dịch :*

Các pháp, pháp xưa nay,  
 Không pháp, không phi pháp,  
 Tại sao trong một pháp,  
 Có pháp, có phi pháp ?

- (1) Trong các pháp lưu chuyển (trong thế gian) từ trước đến nay.
- (2) Pháp Không, không phải là Không phải pháp (Không PHI PHÁP).
- (3) Tại sao tự trung chỉ có một pháp (pháp không).
- (4) Tất cả đều là pháp Có và Không. Nên lưu ý ba nghĩa Vô pháp, Hữu pháp, Phi pháp.

3— Tô A-Nan truyền Kệ cho Ngài Thương-Na Hòa-Tu :

Bổn lai truyền hữu pháp<sup>1</sup>,  
 Truyền liễu ngôn vô pháp<sup>2</sup>,  
 Các các tu tự ngộ<sup>3</sup>,  
 Ngộ liễu vô vô pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Xưa nay truyền có pháp,  
 Truyền rồi nói không pháp,  
 Mỗi mỗi cần tự ngộ,  
 Ngộ rồi không không pháp.

- (1) Xưa nay truyền có pháp (truyền pháp thì phải có pháp).
- (2) Ta nay truyền, pháp Không, Không lời (trùm tắt cả lời nói).
- (3) Trong các pháp tu pháp nào thì ngộ pháp đó.
- (4) Giác ngộ đến chỗ cứu cánh thì không còn Có pháp (Không pháp).

4— Tô Thương-Na Hòa-Tu truyền pháp cho Ngài Ưu-Ba Cúc-Đa qua bài kệ :

Phi pháp diệt phi tâm<sup>1</sup>,  
 Vô tâm diệt vô pháp<sup>2</sup>,  
 Thuyết thị tâm pháp thời<sup>3</sup>,  
 Thị pháp phi tâm pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Phi pháp cũng phi tâm,  
 Không tâm cũng không pháp,  
 Khi nói tâm pháp ấy,  
 Pháp ấy phi tâm pháp.

- (1) Không pháp tức không tâm.
- (2) Tâm không tức pháp không.
- (3) Lúc nói tâm pháp đó.
- (4) Pháp đó không tâm và không pháp.

5— Tô Ưu-Ba Cúc-Đa truyền kệ cho Ngài Đề-Đa-Ca:

Tâm tự bốn lai tâm<sup>1</sup>,  
 Bốn tâm phi hữu pháp<sup>2</sup>,  
 Hữu pháp hữu bốn tâm<sup>3</sup>,  
 Phi tâm phi bốn pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Tâm tự xưa nay tâm,  
 Bốn tâm chẳng có pháp,  
 Có pháp có bốn tâm,  
 Chẳng tâm chẳng bốn pháp.

- (1) Tâm Ta, từ trước đến nay vẫn là Tâm đó, dầu đã trải qua vô lượng kiếp.
- (2) Tâm Ta không có hai pháp (Có và Không).
- (3) Có Pháp có Tâm Ta. Ấy là vọng tâm.
- (4) Không tâm không có Pháp của Ta (Phật pháp).

6— Tô Đề-Đa-Ca truyền kệ lại cho Ngài Di-Dá-Ca:

Thông đạt bốn tâm pháp<sup>1</sup>,  
 Vô pháp vô phi pháp<sup>2</sup>,  
 Ngộ liễu đồng vị ngộ<sup>3</sup>,  
 Vô tâm diệt vô pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Thông đạt pháp bốn tâm,  
 Không pháp không phi pháp,  
 Ngộ rồi đồng chưa ngộ,  
 Không tâm cũng không pháp.

- (1) Rõ thông pháp là tâm ta.
- (2) Pháp Không (Không phải) chẳng có pháp.
- (3) Lúc ngộ rồi và lúc chưa ngộ tâm đó vẫn đồng.
- (4) Tâm Không tức Pháp Không.  
 Xin lưu ý: Tâm Không và Không Tâm, Pháp Không và Không Pháp, chỗ lộn ngược nghĩa rất khác nhau.

7— Tổ Di-Dá-Ca truyền pháp lại cho ngài Bà-Tu-Mật :

Vô tâm vô khả đắc<sup>1</sup>,  
Thuyết đắc bất danh pháp<sup>2</sup>,  
Nhược liễu tâm phi tâm<sup>3</sup>,  
Thủy giải tâm tâm pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Không tâm không thể được,  
Nói được chẳng gọi pháp,  
Nếu rõ tâm phi tâm,  
Mới hiểu tâm tâm pháp.

- (1) Tâm không không chỗ chứng (đắc).
- (2) Nói chứng không phải nghĩa chánh pháp.
- (3) Nếu hiểu tâm không (ngoài) tâm.
- (4) Mới giải được nghĩa Tâm là tâm pháp.

8— Tổ Bà-Tu-Mật truyền pháp kệ cho ngài Phật-Đà-Nan-Đề :

Tâm đồng hư không giới<sup>1</sup>,  
Thị đẳng hư không pháp<sup>2</sup>,  
Chứng đắc hư không thời<sup>3</sup>,  
Vô thị vô phi pháp<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Tâm đồng hạn hư không,  
Chỉ pháp bằng thái hư,  
Khi chứng được hư không,  
Không pháp, không phi pháp.

- (1) Tâm như hư không cùng khắp Thế-giới.
- (2) Tất cả pháp cũng lại như hư không (Tâm và hư không đó tức là pháp).
- (3) Chứng đắc (hiểu biết được hư không).
- (4) Không tâm, không hư không và cũng không (phải) chẳng phải pháp.

8— Tổ Phật-Đà-Nan-Đề truyền kệ pháp cho ngài Mật-Đa :

Hư không vô nội ngoại<sup>1</sup>,  
 Tâm pháp diệt như thử<sup>2</sup>,  
 Nhược liễu hư không cố<sup>3</sup>,  
 Thị đạt chơn như lý<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Hư không chẳng trong ngoài,  
 Tâm pháp cũng như thế,  
 Nếu hiểu rõ hư không,  
 Là đạt lý chơn-như.

- (1) Hư không trùm khắp... chẳng riêng trong ngoài.
- (2) Tâm và pháp cũng lại như vậy.
- (3) Nếu hiểu biết hư không và tâm pháp như vậy.
- (4) Ấy là đã đạt được nguyên-lý chơn-như.

9— Tổ Phật-Đà-Mật-Đa truyền kệ cho ngài Nan-Sanh (Hiếp-Tôn-Giả) :

Chơn-lý bốn vô danh<sup>1</sup>,  
 Nhơn danh hiển chơn-lý<sup>2</sup>,  
 Thọ đắc chơn thật pháp<sup>3</sup>,  
 Phi chơn diệt phi ngụy<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Chơn-lý vốn không tên,  
 Nhơn tên bày chơn-lý.  
 Nhận được pháp chơn thật,  
 Chẳng chơn cũng chẳng ngụy.

- (1) Chơn-lý gốc không có danh từ.
- (2) Nhưng do danh-từ mới thấy biết được chơn-lý.
- (3) Nhận chứng được pháp chơn thật (chánh pháp).
- (4) Không thiệt cũng không giả (vô phân biệt).

10— Tổ Hiếp-Tôn-Giả truyền kệ cho ngài Phú-Na-Da-Xa :

Chơn thể tự nhiên chơn<sup>1</sup>,  
 Nhơn chơn thuyết hữu lý<sup>2</sup>,  
 Lãnh đặc chơn chơn pháp<sup>3</sup>,  
 Vô hành diệc vô chí.

*Dịch :*

Chơn thể đã sẵn chơn,  
 Bởi chơn nói có lý,  
 Hội được pháp chơn chơn,  
 Không đi cũng không dừng.

- (1) Thiệt thể tự nhiên thiệt.
- (2) Do thiệt mới nói đúng lý.
- (3) Thọ lãnh và chứng đặc pháp chơn thiệt.
- (4) Không hành động cũng không ngừng nghỉ.

11— Tổ Phú-Na-Da-Xa truyền pháp lại cho ngài Mã-Minh :

Mê ngộ như ần hiện<sup>1</sup>,  
 Minh ám bất tương ly<sup>2</sup>,  
 Kim phó ần hiện pháp<sup>3</sup>,  
 Phi nhất diệc phi nhi<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Mê ngộ như ần hiện,  
 Tối sáng chẳng rời nhau,  
 Nay trao pháp ần hiện,  
 Chẳng một cũng chẳng hai.

- (1) Mê và ngộ tùy lúc ần hiện.
- (2) Cũng như sáng và tối không rời lìa nhau.
- (3) Ta nay truyền pháp ần và hiện.
- (4) Không phải duy nhất cũng không phải hai (ba...)

12— Bồ-Tát Mã-Minh truyền pháp cho ngài Ma-La :

Ăn hiền tức bốn pháp<sup>1</sup>,  
 Minh ám nguyên bất nhị<sup>2</sup>,  
 Kim phó ngộ liễu pháp<sup>3</sup>,  
 Phi thư diệc phi khí<sup>4</sup>,

*Dịch :*

Ăn hiền vốn pháp này,  
 Sáng tối nguyên không hai,  
 Nay truyền pháp liễu ngộ,  
 Không lấy cũng chẳng bỏ.

- (1) Ăn hiền là pháp đức bốn sự.
- (2) Sáng tối (ngộ mê) gốc chẳng phải hai (thề).
- (3) Ta nay truyền pháp của ta chứng ngộ rốt ráo.
- (4) Không nên gìn giữ cũng không được từ bỏ.

13— Tô Ca-Tỳ-Ma-La truyền pháp cho ngài Long-Thọ :

Phi ăn phi hiền pháp<sup>1</sup>,  
 Thuyết thị chơn thật tế<sup>2</sup>,  
 Ngộ thử ăn hiền pháp<sup>3</sup>,  
 Phi ngu diệc phi trí.

*Dịch :*

Pháp không ăn không hiền,  
 Nói là mé chơn thật,  
 Ngộ pháp ăn hiền này,  
 Chẳng ngu cũng chẳng trí.

- (1) Không có pháp gọi là ăn, gọi là hiền.
- (2) Nói ra như vậy mới đúng là chỗ chơn thật vi-tế (chơn-lý).
- (3) Khi con người ngộ pháp ăn hiền này.
- (4) Cũng không phải là bực hiền thánh và cũng không phải là bực trí-huê.

14— Bồ-Tát Long-Thọ truyền pháp cho ngài Ca-Na-Đề-Bà :

Vì minh ần hiển pháp<sup>1</sup>,  
 Phương thuyết giải thoát lý<sup>2</sup>,  
 Ư pháp tâm bất chứng<sup>3</sup>,  
 Vô sân diệt vô hỷ<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Vì sáng pháp ần hiển,  
 Mới nói lý giải-thoát,  
 Nơi pháp tâm chẳng chứng,  
 Không sân cũng không hỷ.

- (1) Do sáng suốt sanh pháp ần hiển.
- (2) Bấy giờ nói lý giải-thoát...
- (3) Pháp đó (được) tâm không có sự chứng đắc.
- (4) Tâm không sân hận cũng không vui mừng.

15— Bồ-Tát Ca-Na-Đề-Bà truyền pháp cho ngài La-Hầu La-Đa :

Bồn đối truyền pháp như<sup>1</sup>,  
 Vì thuyết giải thoát lý<sup>2</sup>,  
 Ư pháp thật vô chứng<sup>3</sup>,  
 Vô chung diệt vô thủy<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Xưa đối người truyền pháp,  
 Vì nói lý giải-thoát,  
 Nơi pháp thật không chứng,  
 Không chung cũng không thủy.

- (1) Như duyên truyền pháp này từ thuở xưa.
- (2) Tất cả đều nói lý giải-thoát.
- (3) Pháp này là chơn-lý không chỗ chứng.
- (4) Không diệt cũng không sanh (không có trước sau).



16— Tổ La-Hầu La-Đa truyền pháp lại cho ngài Nan-Đề:

Ư pháp thật vô chứng<sup>1</sup>,  
 Bất thủ diệc bất lý<sup>2</sup>,  
 Pháp phi hữu vô tướng<sup>3</sup>,  
 Nội ngoại vân hà khởi<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Nơi pháp thật không chứng,  
 Chẳng giữ cũng chẳng là,  
 Pháp chẳng tướng có không,  
 Trong ngoài do đâu khởi.

- (1) Pháp này không chò chứng.
- (2) Không gìn giữ cũng chẳng là bỏ.
- (3) Nếu pháp không tướng có không.
- (4) Tâm và thân trong ngoài từ đâu khởi.

17— Tổ Tăng-Già Nan-Đề truyền pháp lại cho ngài Già-Da-Xá-Đa:

Tâm địa bản vô sanh<sup>1</sup>,  
 Nhơn địa từng duyên khởi<sup>2</sup>,  
 Duyên chủng bất tương phòng<sup>3</sup>,  
 Hoa quả diệc phục nhi<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Đất tâm vốn không sanh,  
 Nhơn đất từ duyên khởi,  
 Duyên giống chẳng ngại nhau,  
 Hoa trái cũng như thế.

- (1) Tâm là chỗ gốc vô sanh.
- (2) Tùy địa hạt (tâm) các duyên sanh khởi.
- (3) Nhơn duyên và chủng tử chẳng làm chướng ngại cùng nhau (đồng nghĩa như nhau).
- (4) Bông, trái cũng lại như thế.

18— Tô Già-Da-Xá-Đa truyền pháp lại cho ngài Cưu-Ma-La-Đa :

Hữu chủng hữu tâm địa<sup>1</sup>,  
 Nhơn duyên năng phát mạnh<sup>2</sup>,  
 Ư duyên bất tương ngại<sup>3</sup>,  
 Đương sanh sanh bất sanh<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Có giống có đất tâm,  
 Nhơn duyên hay nảy mầm,  
 Đối duyên chẳng ngại nhau,  
 Chính sanh, sanh chẳng sanh.

- (1) Có chủng tử có tâm địa.
- (2) Nhơn duyên thường phát mầm.
- (3) Đối duyên không ngại nhau.
- (4) Đang sanh nguồn bất sanh (chẳng sanh).

19— Tô Cưu-Ma-La-Đa truyền pháp lại cho ngài Dạ-Đa :

Tánh thượng vốn vô sanh<sup>1</sup>,  
 Vì đối cầu nhơn thuyết<sup>2</sup>,  
 Ư pháp ký vô đặc<sup>3</sup>,  
 Hà hoài quyết bất quyết<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Trên tánh vốn không sanh,  
 Vì đối người cầu nói,  
 Nơi pháp đã không được,  
 Đâu cần giải chẳng giải.

- (1) Tánh đầu tiên vốn vô sanh.
- (2) Vì có người cầu nên nói ra.
- (3) Pháp này Phật huyền-ký vô-đặc (không chứng đặc).
- (4) Đâu phải luôn luôn quyết định hay không quyết-định.

20— Tổ Xà-Dạ-Đa truyền pháp lại cho ngài Bàn Đầu :

Ngôn hạ hiệp vô sanh<sup>1</sup>,  
 Đồng ư pháp giới tánh<sup>2</sup>,  
 Nhược năng như thị giải<sup>3</sup>,  
 Thông đạt sự lý cánh<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Nói ra hợp vô sanh,  
 Đồng cùng tánh pháp giới,  
 Nếu hay hiểu như thế,  
 Suốt thông sự lý tốt.

- (1) Ngôn từ (nói ra) phải khế hiệp nghĩa vô sanh.
- (2) Đồng lý pháp giới tánh.
- (3) Nếu hiểu được như thế và giảng giải cho mọi người cùng được hiểu biết.
- (4) Rõ thông sự lý đến chỗ tận cùng.

21— Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền pháp lại cho ngài Ma-Noa-La :

Bào huyễn đồng vô ngại<sup>1</sup>,  
 Vân hà bất ngộ liễu<sup>2</sup>,  
 Đạt pháp tại kỳ trung<sup>3</sup>,  
 Phi kim diệc phi cồ<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Bọt huyễn đồng không ngại,  
 Tại sao chẳng liễu ngộ,  
 Đạt pháp ngay trong ấy,  
 Chẳng xưa cũng chẳng nay.

- (1) Bọt nước và mộng huyễn không có gì sai khác.
- (2) Tại sao không căn cứ nơi đây để liễu ngộ Phật pháp,
- (3) Phật pháp gồm chứa ý nghĩa nơi đây.
- (4) Xưa nay đều như vậy (không có gì biến đổi).

22— Tổ Ma-Noa-La truyền chánh pháp nhân  
tặng lại Hạc-Lặc-Na :

Tâm tùy vạn cảnh chuyển<sup>1</sup>,  
Chuyển xứ thật năng u<sup>2</sup>,  
Tùy lưu nhận đắc tánh<sup>3</sup>,  
Vô hỷ diệc vô ưu.

*Dịch :*

Tâm theo muôn cảnh chuyển,  
Chỗ chuyển thật kín sâu,  
Theo dòng nhận được tánh,  
Không mừng cũng không lo.

- (1) Tâm tùy thuộc cảnh duyên biến hiện.
- (2) Chỗ biến chuyển đó rất huyền mật.
- (3) Theo dòng lưu chuyển của Phật pháp thì nhận được chơn tánh.
- (4) Ấy là : không mừng cũng không lo... (vô úy vô sở đắc).

23— Tổ Hạc-Lặc-Na truyền pháp lại cho ngài  
Sư-Tử :

Nhận đắc tâm tánh thời<sup>1</sup>,  
Khả thuyết bất tư nghi<sup>2</sup>,  
Liễu liễu vô khả đắc<sup>3</sup>,  
Đắc thời bất thuyết tri<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Khi nhận được tâm tánh,  
Mới nói chẳng nghi bàn,  
Rõ ràng không chỗ được,  
Khi được không nói biết.

- (1) Khi nhận được chơn tâm Phật tánh.
- (2) Nói pháp đến chỗ không thể nghi bàn.
- (3) Rõ thông đến chỗ không có gì bền vững (chứng đắc).
- (4) Nếu có chỗ chứng đắc thì không thể nói cho người khác nghe mà được hiểu biết.

24— Tổ Sư-Tử truyền pháp lại cho ngài Bà-Xá-Tư-Đa :

Chánh thuyết tri kiến thời<sup>1</sup>,  
Tri kiến câu thị tâm<sup>2</sup>,  
Đương tâm tức tri kiến<sup>3</sup>.  
Tri kiến tức vu kim<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Chính khi nói tri kiến,  
Tri kiến đều là tâm,  
Chính tâm tức tri kiến,  
Tri kiến tức là hiện nay.

- (1) Lúc nói chỗ tri kiến đúng chánh pháp thì...
- (2) Chỗ tri kiến đó phải căn cứ nơi tâm mình.
- (3) Chính cái tâm hiện tại đó là tri kiến.
- (4) Và tri kiến tức là tự tại.

25— Tổ Bà-Xá-Tư-Đa truyền pháp lại cho ngài Mật-Đa :

Thánh nhơn thuyết tri kiến<sup>1</sup>,  
Đương cảnh vô thị phi<sup>2</sup>,  
Ngã kim ngộ kỳ tánh<sup>3</sup>,  
Vô đạo diệc vô lý<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Thánh nhơn nói tri kiến,  
Lúc nói không thị phi,  
Nay ta ngộ tánh ấy,  
Không đạo cũng không lý.

- (1) Thánh nhơn nói tri kiến.
- (2) Trong cảnh không thị phi.
- (3) Ta ngộ được tánh đó.
- (4) Vô đạo và vô lý.

26— Tô Bát-Như-Mật-Đa truyền pháp cho ngài  
Bát-Nhã-Đa-La :

Chơn tánh tâm địa tàng<sup>1</sup>,  
Vô đầu diệc vô dĩ<sup>2</sup>,  
Ứng duyên nhi hóa vật<sup>3</sup>,  
Phương tiện hô vi trí<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Kho tâm địa chơn tánh,  
Không đầu cũng không đuôi,  
Hợp duyên tùy hóa vật,  
Phương tiện gọi là trí.

- (1) Tâm địa tàng từ chơn tánh.
- (2) Không trước cũng không sau.
- (3) Tùy duyên mà hóa vật.
- (4) Phương tiện ấy là trí.

27— Tô Bát-Nhã-Đa-La truyền pháp lại cho  
Bồ-đề-Đạt-Ma :

Tâm địa sanh chư chủng<sup>1</sup>,  
Nhơn sự phục sanh lý<sup>2</sup>,  
Quả mãn bồ-đề viên<sup>3</sup>,  
Hoa khai thế-giới khởi<sup>4</sup>.

*Dịch :*

Đất tâm sanh các giống,  
Nhơn sự lại sanh lý,  
Quả đầy bồ-đề tròn,  
Hoa nở thế-giới sanh.

- (1) Tâm địa sanh chủng từ.
- (2) Sự là nguồn sanh lý.
- (3) Quả hết, Bồ-đề xong.
- (4) Hoa nở thế giới khởi (đầu).

28— Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền pháp cho Huệ-Khả ở Trung-Hoa :

Ngô bốn lai tư độ,  
Truyền pháp cứu mê tình,  
Nhất hoa khai ngũ điệp,  
Kết quả tự nhiên thành<sup>1</sup>.

*Dịch :*

Ta sang đến cõi này,  
Truyền pháp cứu mê tình,  
Một hoa nở năm cánh,  
Nụ trái tự nhiên thành.

- (1) Ta nguyện đến cõi này.  
Thí pháp cứu người Mê.  
Một bông nở năm cánh.  
Thành trái luật đương nhiên.

\*

Quan sát những vị tổ đã góp phần quan trọng hi-hữu mà tôi xin ghi tiếp sau đây :

1.— Đức Đại Ca-Diếp là Đệ nhất tổ đã được Phật truyền tâm ấn và y-bát.

2.— A-nan tôn giả là vị tổ thứ hai. Công đức của A-nan đối với Phật Pháp là ghi chép lại tất cả kinh luật giáo điển do tự nơi kim khẩu của Phật Thích-Ca đã nói ra trong 49 năm thuyết pháp.

3.— Mã-Minh Bồ-tát là vị tổ thứ 12 đã trùng Phật pháp lúc bảy giờ bằng việc phổ cập quyền Đại-Thừa Khởi-Tín-Luận.

4.— Long-Thọ Bồ-tát là vị tổ thứ 14 đã sáng tác rất nhiều bộ luận. Nhất là bộ Trung luận đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, do đó nên sự truyền bá đại-thừa trên lãnh-vực chơn không rất sâu rộng và làm nổi bật Phật-giáo đối với các tôn-giáo khác.

5.— Thế-Thân Bồ-tát chánh danh là Tổ Bà-Tu Bàn-Đầu là vị tổ thứ 21. Phái tiêu thừa gọi Ngài là Thiên Thân Bồ tát vì Ngài đã viết tất cả 1000 bộ luận gồm 500 bộ thuộc tiêu thừa và 500 bộ thuộc đại thừa. Đặc điểm của Ngài được ghi nhớ mãi đến nay đối với những người học Duy-Thức.

6.— Bồ-đề Đạt-Ma là vị tổ thứ 28 nơi Thiên-trước, là vị tổ cuối cùng nơi Ấn độ và lại là Đệ nhất tổ Thiên-Tông Trung-Hoa (Thiên Tông Đông Độ).

Sau khi Ấn-độ bị Ba tư xâm chiếm, lấy Hồi-giáo làm quốc đạo, lúc bấy giờ Đạo Phật bị chế độ cai trị của quốc gia xâm chiếm chèn ép, đàn áp nên thiếu phương-tiện phát-triển... đồng thời cũng do lời di-chức của Ngài Bát nhã Đa-La là vị tổ thứ 27 của Thiên giáo nên Ngài Bồ-đề Đạt-Ma đem Phật Pháp chánh tông truyền sang Trung-Hoa.

Tại Trung Hoa chánh Pháp của Phật Thích-Ca được tiếp nối truyền bá dưới danh từ là Thiên-Tông Đông-Độ.

Nòng cốt của Thiên-Tông Đông-Độ gồm có sáu vị tổ là: 1) Bồ-đề Đạt-Ma, 2) Huệ-Khả, 3) Tăng-Xán, 4) Đạo-Tín, 5) Hoàng-Nhân, 6) Huệ-Năng, được lịch sử Thiên tông chứng minh... Lục Tổ Huệ-Năng là vị cuối rốt của Thiên-Tông Đông-Độ thực lời minh huấn của sơ tổ Đạt-Ma trong bài thơ bốn câu sau đây, nên không tiếp tục truyền tâm ấn (y-bát) lại cho các đệ tử sau Ngài nữa.

Bài kệ đó như vậy :

*Âm :*

Ngô bốn lai tư độ,

thuvienhuequang.vn



Truyền pháp cứu mê tình,  
Nhứt hoa khai ngũ diệp,  
Kết quả tự nhiên thành.

*Nghĩa :*

Ta đến để cứu độ,  
Truyền pháp cứu người mê,  
Một hoa nở năm cánh,  
Đều thành quả Bồ đề.  
(Tiếp nối đều thành quả)



## CHƯƠNG II

### ĐẠI-SƯ TĂNG-XÁN

Đại sư Tăng-Xán là vị tổ thứ ba trong Thiền-Tông Đông Độ<sup>1</sup>.

Về tiểu sử của Ngài thì... không ai biết quê quán và gốc gác Đại Sư thế nào. Chỉ biết Đại sư là người cư sĩ mắc bệnh ghẻ lở đến lễ Tổ Huệ-Khả xin sám hối.

— Đệ tử mang bệnh ghẻ lở đầy mình xin thầy từ bi vì đệ-tử sám tội.

Tổ Huệ-Khả dạy :

— Đem tội ra, ta sẽ vì người sám hối. Ông cư sĩ đứng sững giây lâu thưa :

— Đệ-tử tìm tội không thể được.

— Ta đã vì người sám hối rồi. Nhưng người nên nương tựa Phật, Pháp, Tăng (quy y tam bảo).

— Hiện giờ đệ-tử thấy thầy đã biết được *Tăng*. Chẳng biết thế nào là *Phật* và *Pháp* ?

— Tâm là Phật, tâm là Pháp, Phật pháp không hai, người có biết chăng ?

— Nay đệ-tử mới biết tánh tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chận giữa. Tâm cũng như vậy, đúng thật Phật Pháp vốn không hai.

Tổ Huệ Khả nghe nói rất hoan-hỷ, biết là trang pháp khí liền cho cạo tóc xuất-gia, bảo :

(1) Là người sáng tác bài *Thiền luận Tín Minh Tâm*, bằng lời thơ mà chúng ta được thưởng thức sau đây.

— Người là vật báu của ta, nên đặt pháp danh là Tăng-Xán.

Ngày 18 tháng 3 niên hiệu Thiên-Bình năm thứ hai (536T.L.), Tăng-Xán được thọ giới cụ túc (tức là thọ giới luật Tỳ kheo) tại chùa Quang-Phước. Từ đó, bệnh lần lần thuyên giảm. Tăng-Xán theo hầu thầy được hai năm.

Một hôm Tổ Huệ Khả gọi ông đến bảo :

— Tổ-Bồ-Đề-Đạt-Ma chẳng ngại xa xôi từ Ấn-Độ sang, đem chánh pháp nhân tạng truyền cho ta, nay ta trao lại cho người cùng với y bát, người khéo giữ gìn chớ để đoạn tuyệt, nghe ta nói kệ :

Bồn lai duyên hữu địa,  
Nhơn địa chúng hoa sanh<sup>1</sup>,  
Bồn lai vô hữu chủng,  
Hoa diệt bất tăng sanh<sup>2</sup>.

*Dịch :*

Xưa nay nhơn có đất,  
Bởi đất giống hoa sanh,  
Xưa nay không có giống,  
Hoa cũng chẳng từng sanh.

Đọc bài kệ xong Tổ Huệ-Khả lại tiếp :

— Người phải tìm nơi núi sâu ở ẩn không nên đi giáo-hóa sớm, trong nước sẽ có nạn.

Tăng-Xán thưa :

— Thầy đã biết trước mọi việc, cúi xin từ-bi dạy con rành rẽ.

(1) Ý nói nguồn gốc của Thiên-Tông là từ nơi giáo pháp này mà sanh bông hoa.

(2) Nếu từ trước đến nay không có hạt giống thiên này thì bông hoa thiên cũng không thể sanh được.

— Đây không phải tự ta nói, mà là lời huyền ký của Tổ Bát-nhã Đa-La do Tổ Đạt-Ma thuật lại cho ta nghe. Sau khi Tổ Bát-nhã Đa-La nhập Niết-Bàn 150 năm sẽ có những việc xảy ra như bài kệ này :

Tâm trung tuy kiết ngoại đầu hung,  
Xuyên hạ tăng phòng danh bất trung,  
Vi ngộ độc long sanh vô tử,  
Hốt phùng tiêu thử tịch vô cùng.

*Dịch :*

Trong tâm tuy kiết ngoài đầu hung,  
Đất xuyên phòng tăng tên chẳng trúng,  
Vì gặp độc long sanh con vô,  
Chợt nghe chuột nhỏ lặng vô cùng.

Xét về niên số nhằm đời của người, người cố gắng gìn giữ. Ta cũng có cái nợ ngày trước nay cần phải trả.

Đời Châu-Võ-Đế ra lệnh diệt Phật pháp (561T.L), Sư sang ở núi Tư Không huyện Thái Hồ. Sư thường đi dờn ít khi ở lâu một chỗ, nên hơn mười năm mà không ai biết tông tích. Thời gian Đại Sư ở núi Tư Không có một vị sư người Ấn tên Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi sang Trung-Hoa cầu pháp. Gặp Đại Sư, Lưu Chi hết lòng kính mộ xin làm đệ tử.

Đại sư truyền tâm ấn cho và khuyên qua phương Nam tiếp độ chúng sanh<sup>1</sup>.

Đời nhà Tùy khoảng niên hiệu Khai Hoàng có ông Sa di hiệu Đạo Tín được 14 tuổi đến lễ Đại sư thừa :

(1) Theo lịch sử V.N. Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi sang V.N truyền bá Thiền Tông và chính ngài là sơ tổ Thiền Tông V.N. vậy.

— Xin Hòa Thượng từ-bi ban cho con pháp môn giải thoát.

Đại sư hỏi :

— Ai trói buộc người ?

— Không ai trói trói buộc.

— Đã không trói buộc, đâu cần giải thoát. Đạo Tín nghe liền đại ngộ.

Từ đây Đạo Tín theo hầu hạ Đại-Sư suốt chín năm.

Sau Đạo-Tín đến Kiết-châu thọ giới, rồi trở lại hầu thầy rất cần mẫn. Sư thường dùng lý huyền-diệu gạn hỏi, biết Đạo-Tín cơ duyên đã thuần thực, bèn truyền y pháp cho ông. Đại-sư bảo :

— Đại pháp nhân-tạng của Như-Lai, nay ta trao lại cho người cùng với y bát. Người gắng mà gìn giữ. Nghe ta nói kệ :

Hoa chủng tùy nhưn địa,  
Tùng địa chủng hoa sanh,  
Nhược vô nhưn hạ chủng,  
Hoa địa tận vô sanh.<sup>1</sup>

Đại Sư dạy tiếp :

— Xưa Tổ Huệ Khả trao pháp cho ta rồi, Ngài đến xứ Nghiệp Đô hoằng hóa hơn ba chục năm mới thị tịch. Nay đã có người thừa kế cho ta thì việc của ta đã xong, còn mắc ở đây làm gì !

Đại Sư đến núi La-Phù ngao du hai năm. Đại-Sư lại trở về Châu-Thư, ngụ tại chùa Sơn Cốc. Dân chúng

(1) Hoa giống tùy nơi đất,  
Nhờ đất giống hoa sanh,  
Nếu không người gieo giống,  
Đất chẳng thể sanh hoa,

ở đây nghe Đại Sư đến đều vui mừng tập nập kéo đến thừa sự cúng dường.

Đại Sư đăng tòa thuyết pháp cho tứ chúng nghe. Thuyết xong, Đại Sư đứng ngay thẳng dưới cây đại thọ chấp tay thị tịch. Nhằm ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần, niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (602 T.L.) nhà Tùy.

Đại Sư có trước tác bài "Tín tâm minh", là một tác phẩm trọng yếu của Thiên-Tông Đông-Độ hiện còn lưu hành.

Vua Huyền-Tông đời Đường (713-755) truy phong Ngài hiệu *Giám Trí thiên sư*, tức là mảnh gương trí huệ của Đạo Phật.

## CHƯƠNG III

### TÍN TÂM MINH

#### GIẢNG GIẢI

Tín Tâm Minh là một bài kệ<sup>1</sup> gồm 146 câu, mỗi câu 4 chữ tất cả là 584 chữ. Tôi xâu lại mỗi 4 câu thành một bài, tất cả gồm 37 bài thiếu 2 câu. Theo chỗ tập hợp này tôi thấy gần như đã giảng lý rồi vậy. Nên tôi chỉ trợ duyên bằng vài hàng chú thích theo chỗ hiểu biết riêng tôi, để quý vị suy tư... Nếu còn có gì thắc mắc thì xin đọc phần luận giải của Hòa Thượng Trung Phong mà Tỳ Kheo Nhứt-Quang đã việt dịch ở phần sau.

### TÍN TÂM MINH

Với 3 chữ Tín, Tâm, Minh kết hợp đặt thành tên bài kệ trường thiên này, tôi nhận xét có ba trạng thái giảng lý:

1) Nếu quý vị đọc : Tín, Tâm, Minh thì hiểu theo tâm trạng của người trì chú, trì giới tức là người có lòng tin dũng mãnh, là người sáng suốt. Vì thế nên người trì chú, trì giới tin rằng thường tụng niệm thì sẽ được sáng suốt hay do tha lực khai mở trí huệ.

2) Nếu quý vị đọc : Tín, Tâm Minh (tức là phết sau chữ Tín) thì tâm trạng này đồng với Thiên-gia trên lãnh vực chứng đắc tối thiểu vào bậc sơ-

(1) Theo phàm phu (nhỏ giáo) thì gọi là thơ.

thiền. Vì người tu Thiền đến đây đều phân biệt được chơn tâm và vọng tâm nên TIN mình có TÂM MINH. Tâm Minh đồng nghĩa với Tâm Phật. Ấy là Tin mình có Phật tánh.

3) Nếu quý vị đọc : Tín, Tâm, Minh tức là mỗi chữ tự biểu lộ một ý nghĩa riêng biệt, thì đây là tâm trạng của hàng trí huệ đến bờ kia (Bát nhã). Phết từng chữ hay không dùng một phết nào cả... thì đó là sự hiểu biết : Ba mà là Một, Một vốn là Ba. Vì Tín là căn bản con người, là lòng lành phát sanh Tâm đạo Minh sáng.

Tâm là đạo, là lòng Tin, là Minh.

Minh là sự sáng suốt, là Trí Huệ.

Người minh sáng do hiểu biết tận tường nên phát sanh lòng Tin, phát sanh Tâm đạo. Ấy là căn bản giác ngộ.

Xin quý vị thiền gia thử quan sát trong khắp đất nước Việt-Nam, cùng trong toàn thể nhơn-loại có được bao nhiêu người tin rằng mình có cái tâm sáng suốt như chư Phật mười phương, để tiến đến chỗ hiểu rằng cái Tâm Minh nó đồng nghĩa với Phật tánh. Nếu con người tin và hiểu mình có Tâm Đạo Minh mãn thì phải là người ở trong cảnh-trạng vô-ngã, vô-nhơn, vô chúng-sanh, vô thọ-giã.

Nếu người học đạo sẵn có Tín Tâm Minh thì không vọng cầu tha-lực, không còn bị trói buộc vào tình nghĩa Sư Đệ, tự nhiên hiểu lời của Bồ-đề Đạt-Mạ trong câu vấn và gọn là : "Vô tự chơn kinh". Hơn thế nữa, nếu thiền-gia tin rằng mình có chơn Tâm là nguồn Minh sáng, tức là rõ thông "pháp môn



vô nhị” trong Kinh Duy-Ma-Cật mà Ngài Văn-thù Sư-Lợi đã diễn tả nó bằng lời, còn Trưởng-giả Duy-Ma-Cật thì diễn tả bằng hành-động... Hành-động đó là sự lặng thình. Lặng thình là thanh-tịnh, thanh-tịnh là Tín Tâm Minh. Thế thì Tín Tâm Minh phải chăng là Phật Quốc, là châu biến vào cảnh giới thanh tịnh.

Ba chữ Tín Tâm Minh mà Tam Tổ Tăng Xán đã đề tựa cho bài kệ này, tưởng chừng như nó gồm chứa ý nghĩa Thượng Thừa có thể đối chiếu cái tựa “Đại thừa khởi tín luận” của Mã-Minh bồ tát nói về tâm trạng *Giác* và *Bất-Giác*.

Đem ba chữ Tín Tâm Minh so với ba chữ “Quán tự tại” trong bài Tâm-Kinh Bát-nhã, tôi cảm thông ý nghĩa câu: Nhứt thiết Hiền Thánh, giai dĩ vô-vi pháp, nhi hữu sai biệt<sup>1</sup>”. Tạm hiểu: chư Hiền Thánh từ nơi pháp vô-vi diễn-tả tâm trạng mình thành danh tự có khi sai khác, dầu danh-tự có khác, nhưng cứu-cánh vẫn là một, là nhứt thể, là nhứt chơn pháp giới, là giác, là tự tại, là tâm minh, vân vân....

Đến đây tưởng chừng tôi có viết thêm điều gì về ý nghĩa Tín Tâm Minh cũng bằng thừa... chỉ thành tâm cầu mong quý vị Tín Tâm, Minh.

1.— *Chí đạo không khó  
Chỉ hiềm lựa chọn,  
Chớ khởi yêu ghét  
Rỗng suốt minh bạch.* (2)

Phần dịch nghĩa rất rõ ràng, nhưng đọc lại nguyên âm 2 câu đầu: “Chí đạo vô nan. Duy, hiềm giảng trạch” tôi lại có một sự hiểu biết khác biệt khi tôi phết

(1) Xem Kinh Kim Cang.

(2) Lời thơ này là dịch phần chánh văn của Tam Tổ.

từng chữ ở câu đầu và sau chữ duy thì tôi hiểu rằng : Ý chí và Đạo lý là điều không thực thể rất khó hiểu biết, khó tìm cầu được, chỉ có điều duy nhất là tùy nơi sự lựa chọn. Với nguyên âm giảng trạch thì chữ giảng có nghĩa là tự giảng giải. Chữ trạch đồng nghĩa với trạch pháp trong thất giác chi (thất Bồ đề phần). Đối với người không khởi tâm thương ghét thì ý chí và đạo lý ở nơi mình tự nhiên rỗng suốt minh bạch. Ấy là Tín Tâm Minh vậy.

2.— *Sai lạc đường tơ  
Đất trời xa cách,  
Muốn được hiện tiền  
Chớ để ngược xuôi.*

Chánh Tín và Mê Tín đối với con người là chỗ thượng thăng và sa đọa, là Niết Bàn và Địa ngục, là giải thoát và luân hồi.

Nếu con người sai lạc “hào ly” thì xa cách Trời và những gì ở trên mặt đất. Ấy là lọt vào ba ác đạo, mà Địa ngục là nơi rộng lớn hơn hết...

Muốn được hiện tiền, tiền tức là muốn còn gìn giữ được thân người trong kiếp sau thì hãy nên “Mạc tồn thuận nghịch”, tức là không nên mãi thuận theo thế tục mà nghịch cùng đạo lý.

3.— *Thuận nghịch tranh nhau  
Đó là tâm bệnh,  
Chẳng biết huyền chỉ  
Nhọc công niệm tịnh.*

Mọi sự tranh đua trên cõi đời, ấy là tâm bệnh của phàm phu. Vì họ chẳng hiểu biết đạo-lý, chẳng có

nhơn-duyên tiếp nhận ý-chỉ huyền mật của đức Thế-Tôn, nên dầu họ có xuất-gia tu hành mà vẫn còn tâm trạng tranh đua hơn kém trong mọi lãnh vực, thì công việc tụng niệm đề cầu mong sanh về cõi thanh-tịnh cũng chỉ nhọc công như loài dã tràng xe cát biển đông.

4.— *Tròn đồng thái hư  
Không thiếu không dư,  
Bởi lo cho thú xā  
Vì thế chẳng như.*

Tín Tâm Minh trùm khắp như hư không. Không thiếu không dư, không thêm không bớt, không đo không sạch, vân vân...

Con người dầu đã vào vòng tu hành mà còn lo gìn giữ và không buông bỏ mọi điều ưa ghét cho nên chẳng được về cùng Như Lai, chẳng thể hiện được mọi điều giống như người có Tín Tâm Minh, chẳng thể tròn đồng như Thái hư.

5.— *Chớ đuổi duyên trần  
Cũng đừng không nhẫn,  
Một lòng bằng phẳng  
Lặng yên tự dứt.*

Đừng nên theo đuổi trần cảnh, vì “hiệp trần thì bội giác”. Không nhẫn là còn gìn giữ lòng giận hờn sân hận, là căn bản của phàm-phu phát sanh từ nơi pháp tướng và kế danh tự tánh. Ấy là công việc xuất ly, là phần việc tận xā mới đến được chỗ Tín Tâm Minh, mới gìn giữ được chũng tử Phật, tâm mới thanh-tịnh. Mọi sự phân biệt lắng chìm, tự nhiên Minh sáng, dứt dòng luân-hồi, hoàn toàn giải-thoát.

6.— *Ngăn động về tịnh  
Hết ngăn lại động,  
Chỉ kẹt hai bên  
Đâu biết một thứ.*

Lẽ tự nhiên, trong lúc tọa thiền hành giả ngăn chặn mọi động tác hữu-vi và vô-vi thì tự-nhiên được thanh-tĩnh trong lúc đó. Khi xả thiền thì những cái động đó trở lại tự-nhiên. Người tu thiền trong trạng thái này kẹt giữa hai hành động (động và tịnh) chớ đâu biết được chỗ nhứt tâm (một thứ) là đi đứng nằm ngồi cũng đều Thiền.

7.— *Một thứ chẳng thông  
Hai chỗ mất công,  
Đuôi có mắt có  
Theo không phụ không.*

Nếu không phân biệt được động và tịnh, không dứt bỏ được một bên, không nhứt tâm thanh-tĩnh hay không nhứt tâm trong việc tụng niệm (tức là hai việc làm có và không), thông thường gọi là “bắt cá hai tay” thì cái việc tu Thiền-định (không) hay Tịnh-độ (có) đều không thể được gì cả, không thể tiến đến mục-đích.

8.— *Nói nhiều, nghĩ nhiều  
Càng chẳng tương ứng,  
Dứt nói, dứt nghĩ  
Chỗ nào chẳng thông.*

Đối với Thiền-gia, bốn câu này vừa đọc xong là hiểu biết ngay. Nói nhiều mà không phải nói Đạo tức là vọng ngữ. Nghĩ nhiều dẫu là nghĩ tưởng chọn chánh cũng vẫn là vọng. Chẳng tương ứng đây là

chẳng tương ưng Tín-Tâm-Minh. Kết luận là nếu làm đúng theo lời dạy : Dứt nói dứt nghĩ thì Tín Tâm Minh phát hiện hòa đồng cùng chơn-như.

9.— *Về nguồn, được chỉ  
Theo chiếu, mất tông,  
Phút giây, soi lại  
Hơn không trước kia.*

Nguyên âm hai câu đầu là : “ Quy căn đặc chỉ, tùy chiếu thất tông ”. Theo quan điểm của tôi thì chữ căn tức là căn-bổn. Căn-bổn đây là lời Phật, là chánh kinh. Chiếu là gì? Chiếu là luận vậy ! Là phần giảng giải của chư tăng thì làm sao khỏi bị buộc ràng theo cá-tánh của họ... như vậy sẽ mất đi căn-bổn của Thiên-tông.

Nguyên âm hai câu sau là : “ Tu du phản chiếu. Thắng khước tiền không ”. Tạm hiểu : Nếu thường hồi quang phản chiếu (thường quán tự tại), chiếu soi lại bên trong<sup>1</sup> thì được lại cái không từ trước, cái không của Như Lai Tạng, không có gì hơn, không có gì bằng được.

10.— *Không trước chuyển biến  
Đều do vọng kiến,  
Chẳng cần cầu chơn  
Chỉ cốt dứt kiến.*

Nguyên âm : “ Tiền không chuyển biến. Giai do vọng kiến ” đưa tôi đến chỗ hiểu biết về Duy-thức như vậy : Cái không đầu tiên là Như Lai Tạng bị biến đổi thành A lại da thức là do nơi vọng kiến. Nếu hiểu được lý này thì chỉ nên lo dứt trừ vọng

(1) Chữ chiếu câu trên là nói tùy chiếu bên ngoài, còn chiếu trong câu này là phản chiếu, là hồi quang.

kiến thì chơn-như sẽ hiển bày, như mặt trời bị mây che. Mây tan thì mặt nhật tự nhiên hiện bày, đâu cần phải tìm kiếm.

11.— *Hai kiến chẳng trụ  
Dè dặt đuổi tìm,  
Vừa có thị phi  
Lãng xãng mất tâm.*

Chơn kiến và vọng kiến đều là kiến-chấp. Người hiểu lý bất trụ (vô trụ) thì không dính mắc vào cả hai bên. Vì dầu có thận trọng truy tầm cách nào đi nữa, cũng chỉ gặp những điều thị phi làm cho cái tâm thêm điên đảo... mất đi cái “không” căn bản từ trước.

12.— *Hai do một có  
Một cũng chớ giữ,  
Một tâm chẳng sanh  
Muôn pháp không lỗi.*

Nguyên âm bốn câu này gồm 16 chữ như vậy : “ Nhị do nhứt hữu — Nhứt diệt mộc thủ — Nhứt tâm bất sanh — Vạn pháp vô cữu ”. Tạm hiểu : Do nơi đối đãi (nhị nguyên) nên một sanh hai, nếu không chấp lấy cái một khởi đầu thì cái tâm tự nhiên thuận nhứt (thanh tịnh một màu) thì muôn pháp vẫn không. Ấy là Vạn hữu duy Tâm. Vạn pháp duy Thức.

13.— *Không lỗi không pháp  
Chẳng sinh chẳng tâm,  
Năng tùy cảnh bất  
Cảnh theo năng chìm.*

Bốn câu này thừa ý bốn câu trên. Lỗi là do nơi sanh (sanh khổ). Pháp là do nơi Tâm thức.

Không lỗi thì chẳng sanh, chẳng sanh thì chẳng diệt, chẳng diệt thì chẳng khổ.

Không pháp thì không tâm thức, không tâm thức thì không năng, không cảnh (sở), không cảnh thì năng diệt (không diệt). Năng diệt thì cảnh diệt theo.

14.— *Cảnh bởi năng cảnh  
Năng do cảnh năng,  
Muốn biết hai đoạn.  
Nguyên là một không.*

Hai câu đầu bài này kết-luận bài kệ số 13 một cách rõ ràng. Nếu không phải người đã từng trải sự việc này thì không thể viết dễ dàng như vậy. Do đây quý vị thấy biết tình tường là Cảnh và Năng làm như duyên lẫn nhau : Cảnh bởi Năng, Năng do Cảnh. Đến đây thì vấn đề được giảng giải thật rõ ràng.

Hai câu 3 và 4 trong bài này kết luận chung cả 2 bài 12 và 13. Nguyên là một không tức là qui về bài 12 để hình thành phần tổng kết về Năng và Cảnh là khi hành giả được Nhứt tâm thì vấn đề tự nhiên được giải quyết đến chỗ tận cùng rốt-ráo.

15.— *Một không đồng hai  
Đều gồm vạn tượng,  
Chẳng thấy tịnh thô  
Tâm yên dứt sạch.*

Nhứt nguyên và nhị nguyên cũng đồng nhau. Vì đối với người nhứt tâm (hay là tâm không) thì gồm cả vạn tượng tức là nói hư-vô trùm khắp.

Trên lãnh-vực nhị nguyên thì thực-thể của nó tức là vạn-vật trong vũ-trụ đối với hư-vô thì tự nhiên

là gồm cả vạn tượng (hữu vi). Nếu hiểu biết thấy biết tinh tế và thô cấu thì đâu còn trước tướng về hai điểm này nữa chẳng thấy tức là chẳng chấp, chẳng chấp thì tâm tự nhiên yên tịnh, không còn điên đảo vọng tưởng điều gì nữa cả. Trong giai đoạn này tất cả vạn tượng tức là mọi cảnh duyên đều dứt bật... (vọng tâm không còn). Lúc bấy giờ các tâm trở về cùng Chơn-Như, hòa đồng cùng Như-Lai-Tạng rỗng không trong suốt... Ấy là Đại Đạo vậy.

16.— *Đạo lớn thề rộng  
Không dễ không khó,  
Hiểu cạn hồ nghi  
Chuyển gấp, chuyển trì.*

Đại Đạo tức nhiên là đại thề, là trùm khắp. Trùm khắp thì còn gì lớn bằng. Do vì vậy nên ai vào cũng được, không dễ cũng không khó tức là bình đẳng... Trong chỗ bình đẳng này nếu mất đi là vì cá tánh của mỗi người tự phân biệt. Kẻ tiểu căn hiểu cạn thì hồ nghi, không tin. Vì thế nên mới sanh ra pháp Đốn, Tiệm có mau có chậm, chớ Phật pháp vốn bình đẳng. Còn Đại Đạo thì trùm khắp (tất cả đều ở trong đó) nên đâu có sự việc RA và VÀO.

17.— *Chấp đó mất chùng  
Ắt vào đường tà,  
Buông đó tự nhiên  
Thề chẳng khừ, trụ.*

Chữ chấp nơi đây là nói về chấp 2. câu sau bài trên. Người tiểu căn hồ nghi không tin Đại Đạo



thì mất đi mục đích tu-hành. Đại Đạo là duy nhất nếu mất đi thì tự nhiên lọt vào đường tà.

Buông bỏ cả hai cái chấp là nghi Đại Đạo và chấp tu hành có chậm có mau thì tự nhiên thực thể không tới, không lui, không ở một chỗ (vì trùm khắp). Đây là nói về tâm XẢ.

18.— *Nhiệm tánh hợp đạo  
Tiêu dao tuyệt nã,  
Buộc niệm trái chân  
Hôn trầm chẳng tốt.*

Nguyên âm câu đầu là “Nhiệm tánh hiệp đạo”. Theo chỗ hiểu của tôi thì câu này đồng nghĩa với câu “Kiến tánh thành Phật” của Lục Tổ Huệ-Năng. Vì nhiệm tánh đồng với kiến tánh, hợp đạo tức là thành đạo. Nếu là Phật đạo thì tự nhiên thành Phật. Câu thứ hai :

Biết tiêu dao là dứt trừ mọi phiền não. Vậy vấn đề dứt phiền não là hành giả phải biết tiêu dao, phải hoàn toàn tự do, phải làm chủ mọi hoàn cảnh. Ấy là phương pháp sát tặc của bực A-la-hán thanh-tịnh.

Nguyên âm câu 3 và 4 là : “Hệ niệm quay chơn trầm hôn bất hã” nếu, hiểu nghĩa thì đúng theo lời dịch nếu suy lý thì tạm giải rằng : Con người căn cứ nơi hành động của xác thân, của miệng lưỡi mà xem là điều hệ trọng, ấy là hệ niệm. Hệ niệm thì trái ngược với chơn lý tức là trái Đại đạo. Trên lãnh vực Tam không, hệ niệm quai chơn đồng nghĩa với “Niệm là vô niệm”, chữ vô niệm

này đồng như cây đá nên gọi là quai chơn là trái chơn cũng đúng lý. Theo tôi suy lý “Trầm hôn” là chìm đắm trong mê muội, lấy niệm làm Ta; ấy là điều chẳng tốt, chẳng tốt là trái chơn. Thế nên trầm hôn cũng là hệ niệm, là niệm trái chơn lý.

19.— *Chẳng tốt nhọc thân  
Đâu cần sơ thân,  
Muốn đến nhứt thừa  
Chớ ghét sáu trần.*

Người tu thiền tiến đến chỗ hiểu biết mọi hành động thuộc “thân khẩu ý” là trái chân, là chẳng tốt là “lao thân”. Con người trầm mình vào đều chẳng tốt, là làm cho tinh thần phải chịu nhọc nhằn khổ cực vì sẽ bị trả qua vô lượng kiếp luân-hồi trong tương-lai. Tuy nhiên muốn đến Nhứt thừa tức là đến cứu-cánh đại đạo, đến Vô-Thượng Bồ-đề cũng không nên rời lìa sáu trần.

20.— *Sáu trần không ghét  
Hoàn đồng chánh giác,  
Kẻ trí vô-vi  
Người ngu tự buộc.*

Nguyên âm câu đầu là “Lục trần bất ác” thì nên hiểu rằng: Nếu lục căn tiếp nhận lục trần mà không sanh tâm ác, không vọng động thì tức là trở về quê cũ, là hòa đồng cùng tự tâm thanh tịnh, là Phật quốc (xem Kinh Duy Ma Cật), là Chánh giác vậy.

Kẻ trí huệ thì lấy vô-vi làm căn bản. Người

ngu muội, trăm hôn thì tự trói buộc vào sáu trần (trên lãnh vực ÁC) tức là trăm mình trong biển mê để mãi chịu luân hồi.

21.— *Pháp, không pháp khác,  
Tự vọng ái trước,  
Dem tâm dụng tâm  
Há chẳng lầm to.*

Pháp duy nhất, không còn có pháp nào khác ấy là Phật pháp, là khắp môn không hai. Do vọng nên sanh vạn tượng (vũ-trụ), nên phân biệt có thương có ghét, có chấp có bỏ, có thương có ghét, có trước có sau.

Nếu lấy chơn tâm mà làm cái dụng cho vọng tâm ấy là điều sai lầm, thác loạn. Thế nên thiền gia chẳng xử dụng cái tâm mà luôn để cho nó được thanh tịnh.

22.— *Mê sinh tịch, loạn  
Ngộ không tốt, xấu,  
Tất cả hai bên  
Do vọng chằm chước.*

Người Mê thì điên đảo, động tịnh, sanh diệt thay đổi không ngừng... càng làm càng sanh điều tội lỗi. Vì thế nên Lão tử có câu : "Làm mà chẳng làm gì cả".

Người Ngộ thì không còn phân biệt tốt xấu, phải quấy, thương ghét, v.v... Ay là pháp duy nhất để vào Đạo Vô-thượng Bồ-đề. Ngoài pháp thanh tịnh này thì không còn có pháp nào khác nữa.

Động và Tĩnh, Mê và Ngộ... tất cả thuộc về nhị nguyên, đều do nơi vọng thêm bớt mà sanh ra... Khi tất cả về cùng Nhứt chơn pháp giới thì không còn pháp nào khác.

23.— *Mộng huyền không hoa  
Đâu nhọc nắm bắt,  
Được mất, phải quấy  
Một lúc buông bỏ.*

Mộng ảo là điều huyền hoặc, là điều không thiết có cũng như hoa đốm nơi hư không. Người ngộ rồi đâu còn nhọc công ghi nhớ, gìn giữ... Vì là huyền hóa, là không tịch. Thế nên mọi sự được mất, phải quấy (hữu-vô) vân vân... trong sát-na buông bỏ thì vào Nhứt chơn pháp giới, không còn pháp nào khác để phải nhọc công nắm bắt nữa.

24.— *Mắt nếu chẳng ngũ  
Các mộng tự trừ,  
Tâm, nếu chẳng khác  
Muôn pháp nhất như.*

Trong Kinh Tứ Thập Nhị chương (chương 42) Phật dạy: “Niết-bàn ngày đêm đều thức”. Ấy là nguyên lý của hai câu đầu này vậy. Vì con người lúc thức thì đâu có mộng. Ngũ tức là Mê, vì mê nên sanh vọng. Dứt Mê thì vọng do nơi đâu mà sanh, cho nên luận chủ dạy rằng: “Tâm nếu chẳng có sự thay đổi sai khác thì muôn pháp đều quy về một thể duy-nhứt — như như bất động, bất khứ bất lai, thuần nhứt chẳng hai — Ấy là Đại Đạo”,

25.— *Nhất như thể huyền  
Ngây ngất quên duyên,  
Muôn pháp đồng quán  
Trở lại tự nhiên.*

Nhứt chơn pháp giới hay là Như Lai bất động là diệu thể huyền-mật, gọi là : “bất-tư-nghì”, phạm phu không thể nghĩ bàn. Điều đó đối với người vào đại định, ngây ngất quên mọi duyên trần thì mới có thể cảm thông được phần nào...

Tất cả vạn pháp đều quán đến chỗ tận cùng thì thông suốt tất cả nhưn sinh và vũ-trụ. Đến đây hành giả mới được gọi là đã trở về cùng tự tánh hồn nhiên.

26.— *Sạch lý do kia  
Không thể so sánh,  
Dừng động không động  
Động dừng, không dừng.*

Hai câu đầu bài này kết luận phần *Quán* đến chỗ tận cùng rất ráo, tức là không còn đối tượng, sạch hết các lý-do kể trên hay là đến tuyệt đối, ngoài vòng nhị-nguyên, không còn có đối tượng mầm móng để so sánh nữa... Ấy là định vậy.

Câu 3 và 4 nói về phần *chỉ*. Nguyên âm : chỉ động vô động, động chỉ vô chỉ. Tạm hiểu : Ngưng động thì động không còn. Nếu động ngưng thì không còn tu chỉ, tức là đến cứu cánh của phần chỉ, cũng là vào cảnh Định như Quán ở phần trên.

27.— *Hai đã chẳng thành  
Một làm gì có,  
Rốt ráo cùng cực  
Chẳng còn quy tắc.*

Khi vào Đại-định thì không còn Quán hay Chỉ (dầu tu riêng một pháp). Bởi vì Quán đến tuyệt đối là sạch hết lý-do Quán. *Chỉ* động đến chỗ không còn động thì lấy gì để làm nhơn duyên cho phần *Chỉ* nữa. Cho nên chẳng còn điều nào cả.

Khi hành giả đến chỗ rốt ráo cùng cực tức là đến cứu-cánh, đến chỗ tận cùng của Chỉ Quán thì chẳng còn có đối-tượng để làm quy-tắc. Ấy là lãnh-vực tuyệt-đối chỉ có kinh-nghiệm và sự thực hành đến lãnh-vực này mới cảm-thông được.

28.— *Hợp tâm bình đẳng  
Sở tác đều dứt,  
Hết sạch hồ nghi  
Chánh tín điều trực.*

Đến đây là thể hiện cái tâm bình đẳng, tức là vào Trung-Đạo, là thể hiện Chơn Không. Lúc bấy giờ không còn chỗ nào để Chỉ và Quán, mọi năng-sở đều dứt, ấy là đến chỗ vô-tác trong tam không (không, vô-tướng, vô-tác).

Câu 3 và 4 là phần kết luận. Hết sạch hồ nghi là *giác*. Do giác nên sanh chánh-tín, chánh-tín điều trực là *Ngộ* vậy.

29.— *Tất cả chẳng lưu  
Không nên ghi nhớ,  
Rỗng sáng tự chiếu  
Chẳng nhọc tâm lực.*

Chỉ và Quán không còn tác động, không còn lưu chuyển thì đừng nên móng tâm ghi nhớ lại... (do Chỉ hay do Quán mà thành tự),

Nếu ghi nhớ tức là khởi động. Nếu khởi động lại tức là điên đảo. . .

Tuân hành theo lời dạy trên đây là Tín Tâm. Tín Tâm này tự chiếu soi thì phát Minh. Lúc bấy giờ Tín Tâm Minh phát hiện tự nhiên, không còn nhọc tâm lao lực Chỉ Quán để tìm cầu Tín Tâm Minh nữa.

30.— *Chẳng phải chỗ suy  
Thức tình không dò.*

. . . . .

Bài 30 chỉ có 2 câu. Theo suy luận của tôi hai câu này có thể vừa kết luận cho phần trên, lại vừa mở đầu cho phần dưới. Người có Tín Tâm Minh do kinh-nghiệm mà cảm-thông chớ không thể suy nghĩ luận bàn những điều đã chứng-minh ở phần này và phải do sự thực-hành mới cảm-thông được phần sau đây.

31.— *Chân như pháp giới  
Không người không ta,  
Cần gặp tương ứng  
Chỉ nói bất nhị.*

Chân Như là gì ? Pháp giới là gì ? Hiểu được nguyên lý hai danh từ này thì vấn-đề trong bài này tự nhiên được giải đáp. Ấy là hai danh từ mà hành giả nếu chưa phải là bực Đại thừa thì không thể giảng-giải trong một vài trang giấy mà có thể hiểu biết được.

*Chân như* (tạm hiểu) là Phật tánh, là thiết tướng, là chơn tâm, là duy nhất, là bình-đẳng, là trùm khắp trên lãnh vực siêu-linh huyền-mật.

*Pháp giới* (tạm hiểu) là những gì thuộc về ngũ âm, là những hình tướng, tiếng động, thông bát vân vân... thuộc phạm vi hiểu biết của sáu căn, tạm gọi là pháp giới.

Hiểu được Chân như Pháp giới thì không còn có sự phân biệt các loài động vật và Ta. Tại sao? Vì chân như pháp giới là duy nhất, nếu có sự phân biệt: Ta và vạn vật, Phật và chúng sanh, giác và mê vân vân... Ấy là do vì dùng danh từ của thế tục, vì vô-minh mà thấy biết như vậy. Đối với người đến lãnh-vực Tín-Tâm-Minh thì chỉ dùng danh từ "bất nhị" <sup>1</sup> đủ hiểu chỗ tương ứng với danh từ chơn như, pháp giới. Ấy là "chẳng phải chỗ suy, thức tình không dò (nan trắc)". Theo danh từ tân học thì gọi là "chơn lý tuyệt đối".

32.— *Bất nhị đều đồng  
Không gì chẳng đồng,  
Kẻ trí mười phương  
Đều vào tông này.*

Không hai là duy nhất, là bình đẳng, là thanh tịnh một màu... không còn có gì gọi là khác biệt, tức là không gì chẳng đồng, biến.

Kẻ trí mười phương tức là chư Phật mười phương đều đến chỗ cùng tốt rất rạo rầy và gọi là Vô-Thượng Bồ-Đề vậy. Ấy là tông duy nhất, không hai. Tất cả đều hòa đồng không còn phân biệt Phật và chúng sanh.

(1) Không hai, duy nhất.



33.— *Tông chẳng ngắn dài  
 Một niệm muôn năm,  
 Không còn chẳng còn  
 Mười phương trước mắt.*

Đến lãnh-vực này thì không còn có thời-gian và không gian. Chỉ có hiện tại liên tục nên gọi là Như-Lai. Chỉ một niệm (duy nhất) truyền chuyển mãi trong vô-lượng kiếp. Không còn có hiện tại vì chẳng có quá khứ, chẳng còn có hiện-tại vì chẳng có vị-lai.

Mười phương rộng suốt như cùng chung một nhà. Trước cũng như sau, sau cũng như trước không gì biến đổi. Ấy là chỗ Phật dạy: Niết bàn rộng không thanh-tịnh một màu, không thêm không bớt, không dơ không sạch. . . nên trong suốt khắp cả mười phương.

34.— *Rất nhỏ đồng lớn  
 Quên hẳn cảnh giới,  
 Rất lớn đồng nhỏ  
 Chẳng thấy biên giới.*

Bài này là phần giảng-lý lời Phật dạy : Phật xem hột cải như cõi Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới. Ngược lại, Phật xem Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới như một vi-trần. Hay là tất cả pháp giới chỉ vào nơi đầu sợi lông con thỏ. Đầu sợi lông con thỏ chứa đựng cả pháp giới. Thế nên đối với người Tín Tâm Minh thì không còn có cảnh giới, biên giới, tức là không còn có thời gian và không gian... chỉ có chân như pháp giới.

35.— *Có chính là không  
Không chính là có,  
Vì chẳng như thế  
Quyết không cần giữ.*

Đây là ý nghĩa Phật dạy về ngũ ấm trong Tâm Kinh cũng như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhưng trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã-Minh Bồ-Tát cho là có (giác và bất giác).

Long-Thọ Bồ-Tát lại gọi không vì là Trung-Đạo. Trung Đạo là chơn không. Thế-Thân Bồ-Tát phụ họa lời Vô-Trước nói về Duy-Thức cho rằng : cũng có cũng không, tất cả đều tùy tâm-thức.

Từ xưa đến nay, *Có Không, Không Có* đều do Bồ-Tát phân biệt mà nói, tùy thời mà nói. Bởi vậy nên mới có vấn đề Tu và không Tu, thủ và hữu, sanh và tử. . .

36.— *Một tức tất cả  
Tất cả tức một,  
Chỉ được như thế  
Lo gì chẳng xong.*

Đối với chư Phật mười phương thì nhìn xem Chân như Pháp giới chỉ là Một. Một tức là tất cả chân như pháp giới. Phật và chúng sanh cũng từ trong đó. Thế nên Phật là Ta, Ta là Phật.

Hiểu được : Rất nhỏ đồng lớn, rất lớn đồng nhỏ ; *Có chính là không, Không chính là có ; một tức tất cả, tất cả tức một* thì cuộc đời tu hành nơi cõi Ta-Bà này đã viên-mãn, đã hoàn tất, đâu cần phải chọn lựa thế-giới nào khác nữa.

37.— *Tính tâm bất nhị  
Bất nhị tính tâm,  
Đường ngôn ngữ bất  
Chẳng phải xưa nay.*

Kết luận : *Tín Tâm* duy nhất chẳng điên đảo, thì tự nhiên *Minh*, sáng suốt thấy biết tất cả mười phương trước mắt.

Ngôn ngữ chỉ là phương tiện (cũng như người dùng thuyền bè qua sông). Khi không còn dùng ngôn ngữ tức là đã đến bờ kia vậy.

Đường ngôn ngữ bất ấy là trạng-thái đại-định. Đại-định tức là Minh. Minh sanh Tín, Tín từ nơi Minh phát sanh tức là Giác. Giác tức là Phật. Đặc điểm của Phật là Tâm Minh.

## THAY LỜI KẾT LUẬN

Tôi đã làm một sự việc trái với định-hướng của tôi, là luận-giải một luận-đề (không phải lời của đức Bồn-sư Thích-Ca). Tâm-niệm của tôi là nghiên-cứu luận giải Kinh Phật<sup>1</sup>, chứ không luận-giải "Luận" đầu là của chư Tổ. Vì tôi liên tưởng... giảng-lý luận-đề của chư Tổ cũng như câu chuyện sũa mua đi bán lại trong Kinh Đại-Bát Niết-Bàn.

Việc làm ngoài ý muốn này do vì nhơn duyên tôi được đọc "Tín Tâm Minh nghĩa giải" của Đại-Đức Nhật-Quang (Tu viện Chơn Không).

Nhờ ở nơi phần chánh văn của Đại-sư Tăng-Xán mà tôi tự kiểm điểm được con đường đã đi qua... và hội ý được nhiều điểm mà tôi chưa có kinh-nghiệm. Tôi tự thấy đã cởi mở được một vài bí ẩn, trong lúc hồi quang phản chiếu, cũng như con tằm nhả hết tơ lòng, để kính cần dâng lên cho dân tộc.

Đối với quý vị hòa mình trong tinh thần triết-lý, đọc soạn phẩm này sẽ có chỗ so-sánh giữa dân tộc tánh Trung-Hoa và Việt-Nam, khi đọc phần luận giải của tôi và của Hòa-Thượng Trung-Phong (Trung-Hoa). Tôi tin tưởng quý vị sẽ không bị quan khi đặt

(1) Như tôi đã ấn hành các soạn phẩm : Tìm hiểu Đạo Phật (Kinh A-di-đà), Tìm hiểu Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, Hạnh nguyện vãng sanh (Kinh Hoa-Nghiêm), Thiên-định Đại-định (Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm), Kim-Cang Đại-Định và triết-lý Tứ diệu-đế, Lục Độ v.v...

chọn lên con đường Thiền và Triết với tâm niệm "Ta về ta tắm ao ta, dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn..."

Ngoài ra, tôi cũng có ý định khai thông tâm-trạng sưu-khảo, sáng-tác thay vì dịch thuật là những món ăn tinh-thần mà dịch giả không tiêu hóa được, lại đem cho người khác cùng ăn. Bởi quá đói lòng nên một phần người học Triết kém ngoại ngữ bắt buộc phải nuốt... nhưng nuốt vào mà vẫn ì-ạch. Ai có trải qua cảnh-trạng này thì tự hiểu.

Tôi ước mong soạn-phẩm này đem đến cho Thiền-gia, Triết-gia, một vài tia sáng để góp công gây tạo Thiền Triết cho thế hệ tương-lai, bằng sáng-tác thay vì dịch thuật. Ngôn ngữ Tây phương có câu "Tìm thì sẽ gặp", "Muốn thì được". Đối với Triết-lý của Phật Thích-Ca thì mỗi người đều sẵn có Phật tánh. Nếu biết phương-pháp khai thông thì nó sẽ hòa đồng cùng tâm trạng mình để hiện bày tự thể Diệu-Minh.

Nếu quý vị biết Quán tự tại, biết hồi-quang phản-chiếu thì việc phát triển trên con đường Thiền và Triết, để tiến đến chỗ sáng tác, không phải là điều "đập đá vá trời, mò kim đáy biển", như một phần ít đã lầm tưởng...

Phần Triết-lý Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán trên đây sẽ là đề tài chánh yếu cho những ai còn bo bo giữ lấy cái tâm hạ liệt.

Tôi thật tâm nhận chân những gì mà tôi viết thành lời gởi đến cho quý vị, đều xuất sanh từ nơi năng lực hiểu biết chỗ thâm kín và nhiệm-mầu ý-nghĩa Tín Minh Tâm trong bài kệ chốt.

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

Tín Tâm bất nhị  
 Bất nhị Tín Tâm,  
 Đường ngôn ngữ bất  
 Chẳng luận xưa nay.

Đường ngôn ngữ bất chính là Minh vậy. Từ xưa đến nay những bậc Diệu Minh, Chánh Giác đều trầm lặng yên tĩnh... Phật quốc là cõi thanh tịnh như hư không, trong sạch chẳng chút bụi trần.

Cũng như Phật dạy :

Hiệp Trần bội Giác,  
 Hiệp Giác bội Trần.

Bội trần có hai trạng thái : Một là ly trần, trốn trần, ẩn tu ; hai là ở trong trần mà chẳng nhiễm trần. Ấy là ý nghĩa Phật cầm hoa sen đưa lên thì Ngài Đại Ca Diếp liền hiểu được thâm ý. Hai trạng thái này là đầu đề câu : “Nhứt tu thị, nhị tu sơn”.

Nếu không phải là hàng Long Tượng thì đâu dễ nào áp dụng được nguyên-lý này. Tất cả mọi vấn-đề đều tùy thuận Tín Tâm Minh.

**THUẬN-TÂM**





PHẦN THỨ HAI

TÍN TÂM MINH  
*NGHĨA GIẢI*

Nguyên tác Hán văn của Hòa-Thượng Trung-Phong.  
Dịch giả : Thích Nhật-Quang (Tu Viện Chơn-Không)

CÙNG MỘT DỊCH GIẢ :

**LUẬN TỌA THIỀN**

*Nguyên tác của Thiền-sư Đại-giác*

**LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU**

*Nguyên tác của Thái-Hư*

# LỜI TỰA

Người xưa dẫn :

“ Đệ nhứt Ca-Diếp thủ truyền-đăng,  
Nhị thập bát đời tây-thiên ký ”

Mời bạn thử nói, là “ truyền đăng ” gì ? Tây-thiên, hai mươi tám đời tổ tục-nhiệm, là “ tục nhiệm ” những gì ?

Lại bảo: “ Trục chỉ nhơn tâm,  
Kiến tánh thành Phật ”.

Nói xem “ Trục chỉ nhơn tâm ” là sao ? Thế nào là “ Kiến tánh thành Phật ”. Cần thận tý nhá, không khéo sẽ bị lừa đấy ! Nên có câu : “ Mạt vàng tuy quý, dính vào tròng mắt thành bệnh ” là vậy.

Trên hội Linh-Sơn, đại tổ Ca-Diếp chỉ mỉm cười, mà tam thiên giới ngoại, thấy đều chấn động.

Cởi sóng vào Trung-thổ, Đạt-Ma đại sĩ, đem được những gì, mà ngày ngày ngồi sừng nhìn vách mãi thế kia ?

Chẳng thể nói rằng không, cũng chớ bảo là có. Nếu có gì, xin bọn ta thôi mờ-mịt !

A hay ! Có một tráng-sĩ, đường đường khám phá việc này, chính đấy đại sư Huệ-Khả. Lại, bạn thử nhìn cho tường-tận một chữ “ Khả ” này !

— Ngài đã chặt cánh tay dâng lên, để tiếp nối thắp sáng “ Tâm đăng ”. Ngài đã phá tan nổi cô-tịch trầm-thống, suốt chín năm dài của ông già Sơ-tổ. Ngài đã ném cõi đại thiên ra phương ngoại, nhét pháp-giới trong đầu sợi lông, làm cho mạch sống “ Tâm Tông ” tràn lan khắp thiên hạ...

Đấy nhá, từ uyên-nguyên vô cùng vô tận kia, “ Ca-Diếp phá nhan ”, “ Đạt-Ma diện bích ”, “ Thần,

Quang đoạn tỳ". Thế mà, đến Tam-tổ Giám-Trí đại-sư ông già này môi mép quá nhiều... Như vậy là sao? Há chẳng trái với môn-phong của tiên-tổ u? Bọn ta bám chỗ nào, để cùng Ngài thương lượng?

Thực ra, cũng chỉ là phương tiện, dùng lời đẹp lời, để:

“Trực chỉ nhơn tâm,

ến tánh thành Phật”, mà thôi.

Bởi lẽ, bọn ta chẳng đủ lòng tin, chẳng tự chấp nhận, nên buộc lòng Ngài phải nói, và nói thật nhiều. Chẳng ngoài mục đích, “Chỉ cho bọn ta, nhận ra cái ấy, thực sống với nó, tin chắc nó bất sinh bất diệt, viên-trạm như như, và nó chính là ta vậy”. Tuy nhiên bọn ta lại càng bảo-trọng hơn!

Dù trước nói: “Chỉ đạo không khó,  
Chỉ hiểm lựa chọn”.

Nhưng lại dặn: “Sai lạc đường tơ,  
Đất trời xa cách”.

Và cho thấy: “Muốn được hiện tiền,  
Chớ để ngược xuôi”...

Với bao nhiêu lời lẽ chơn thành, Ngài đã định ninh dạy bảo bọn ta. Quả là, “lòng bà-già quá thiết tha” vậy.

Thẹn rằng, kể diễn-dịch những lời vàng ngọc này, kiến-giải cạn hẹp, văn-nghĩa vụng-về. Dù cố gắng hết sức, nhưng không khỏi lậm lẫm.

Kính mong, các bậc Cao-minh phủ chính cho. Vả như, xứng hợp cơ duyên, nguyện đem lưu-bổ rộng rãi, làm tiêu-bản cho người sau.

**TU-VIỆN CHƠN-KHÔNG**

Mùa Thu năm Nhâm-Tý (1972)

**THÍCH-NHỰT-QUANG**

Kính đề

thuvienhuequang.vn

## SƠ DẪN

Tín-Tâm-Minh, một trường thiên được hợp thành, bằng thể văn vần, gồm 146 câu, 584 chữ, do Tam Tổ là Thiền sư Giám-Trí trước tác.

Từ sao Tổ Đạt-Ma, các bậc Sư kế thừa tiền bối thường dùng thể văn vần để diễn-thuật Phật tổ, đơn truyền thiền yếu, chính bài Minh này ra đời trước nhất. Trong đó, nghĩa lý rất tinh-túy, gồm suốt cả một đời thuyết-giáo của đức Như-Lai và 1700 công-án của chư vị tổ sư, là một trong những giáo-điển quý báu nhất của nhà Thiền thời xưa, đã được lưu hành rộng rãi.

Trải qua các đời số giải, gồm có :

- Thiền sư Chân-Hiết niệm cổ.
- Thiền sư Đạo-Phái trước ngữ.
- Thiền sư Trung-Phong Minh-Bồn nghĩa giải và sang đất Nhật :
- Thiền sư Oánh-Sơn niệm đề, cùng với
- Họa-Long-Dạ-Đường Thủy v.v...

Phần nghĩa giải này, thu nhật trong bộ Quảng-Lục, quyển thứ 12 của Hòa Thượng Trung-Phong, rất có thể gói gém trọn vẹn lẽ huyền áo trong đó, làm dễ-dàng cho việc tìm hiểu của hàng xuất gia (Truy), và tại gia (bạch),

Tam Tổ hiệu Tăng-Xán, người sinh phương nào chẳng rõ, chỉ biết tánh Ngài ưa cảnh sơn thủy, thường ẩn trong Hoàng-sơn thuộc Châu Thục, chính là người nối truyền tâm pháp của Nhị Tổ Huệ-Khả.

Sau vụ Chu võ-Đế phá diệt Phật Pháp, Ngài thường qua lại trong núi, nên chỗ ở chẳng nhất định.

Đời Tùy, năm Khai-hoàng thứ 13 (601), Ngài trao y pháp cho Tứ Tổ Đạo-Tín.

Năm Đại-Nghiệp thứ 2 (602), tháng 10 ngày 15, Ngài nhập diệt.

Đời Đường, vua Huyền-Tôn phong thụy cho Ngài là Giám-Trí Thiên sư, Pháp hiệu Giác-Tịch.

\*

Người làm Nghĩa giải này là Thiên sư Trung-Phong-minh-Bổn, quê ở Tiên-đường, Châu-Khanh, họ Tôn sanh năm đời Nam Tống, vua Lý-Tông-Cảnh-Định năm thứ 4 (1263) là con cháu nối dõi Thiên sư Cao-Phong-Nguyên-Diệu.

Đời Nguyên, vua Nhân-Tôn sắc ban hiệu là Phật Từ Quảng-Huệ Thiên sư, cùng với Ca sa Kim-lang.

Đời Anh-Tôn năm Chí-tự thứ 3 (1323) tháng 8, ngày 14, Ngài nhập diệt.

Vua Văn-tôn ban thụy hiệu là Trí-Giác Thiên-sư, Vua Thuận-tôn lại phong là Phổ-Ứng Quốc-sư.

Ngài trước tác bộ Quảng-lục gồm 13 quyển, phần nghĩa giải này rút từ trong đó.

Tín-Tâm-Minh xưa đã có rất nhiều nhà chú giải rồi, nhưng chỉ có phần nghĩa giải này mới khơi được tận nguồn huyền nghĩa, và chỉ thế, chẳng còn giấu giếm việc gì riêng khác nữa vậy.

GIẢI THÍCH đề :

## TÍN-TÂM-MINH

của TAM TỔ

Hòa-Thượng Trung-Phong, Nghĩa-Giải Tín-Tâm-Minh,  
Tham học môn hơn – Bắc Đình Từ, Tịch Tiến.

Đại sư Trung-Phong một đời đề xướng, gồm chung hiệu là “Quảng lục”. Trong đó có một tập Nghĩa giải Tín-Tâm-Minh của Tam Tổ.

Than ôi, lời Minh há dễ dàng giải được ư !

Sở thuyết hơn 40 năm của Thế-Tôn, 1700 công án của Liệt tổ, đều quy ở tâm này, mà Thiền Trí giải há đủ để lột cùng chỗ huyền-áo của yếu chỉ kia ru ?

Vả người sống cách vài trăm năm sau, mà muốn phát minh việc của người vài trăm năm trước cũng đã khó rồi. Nhưng Danh giáo của đức Như-Lai, gồm trên 5000 quyển cũng vốn ở một tâm này mà ra, 1700 cửa huyền của chư Tổ, cũng không rời tâm này mà có. Đã rõ “Tâm này” thì, Thiền cùng Giáo quyết chắc có thể giải được.

Thế nên, “niêm hoa vi tiểu” Ca-Diếp được truyền diệu tâm, “Lập tuyết đoạn tý” Huệ-Khả tiếp nhận huyền yếu. Thực thì, Sự tuy khác mà Lý vẫn một và đều bởi làm “sáng tỏ tâm này” thôi.

Chính thế, Thiền sư Trung-Phong Tam-Tổ Đại sư, tuy thời đại có cách nhau mấy trăm năm, nhưng “Minh tâm kiến tánh” vốn không hai không khác.

Thế thì, có gì là khó giải ? Chỉ cốt làm sao nghĩa giải đó, ý chỉ không khác. Chỉ cần học-giả hậu lai,

thấu tột đến chỗ diệu của tâm này là được.

Niên hiệu Khoan-Văn thứ 9, năm Kỷ-dậu, tiết Mạnh-Thu, rút trong Quảng-lục đem khắc bản. Mong các bậc hiền nhân quân tử khắp bốn phương, từ bộ Nghĩa giải này mà dễ dàng hiển phát "lời Minh uẩn áo" kia vậy.

Trộm nghe, tổ sư từ Thiếu-Lâm "Dùng lời chỉ thẳng, chẳng lập văn tự". Ấy thế mới truyền xuống hai đời, đến Xán đại sư, Sư lại trừ tác Tín-Tâm-Minh 584 chữ, đâu chẳng quá vội cái đối tông-phong của Sư tổ, dùng văn tự để lưu-bố đấy ư?

Hoặc bảo, không hẳn thế. Chỉ muốn hiển thị lời "Chỉ thẳng" của Thầy Tổ, khiến cho học-giả đời sau hội đủ niềm tin chân chính, để phá các tà chấp thôi.

Nói tin là thế nào?

— Là tin tâm thể rộng lớn, cùng chư Phật bình đẳng không khác. Hẳn muốn tự mình tin ngay vào đấy, chẳng nhờ tu chứng. Một khi vào được "Tín vị" này, thì quyết định chẳng còn thối chuyển.

Thế nên lời "Minh" đây, với cách nói "Chẳng lập văn tự" ấy, cùng đuổi nhau từ ngàn xưa và mãi sau này, mà chẳng trái nhau. Sự ích lợi của niềm tin là thế. Vả, Đại sư có lập ra lời nói, sự thực cũng chỉ để, gánh vác pháp-bảo của Sư tổ đó thôi.

Ôi ! Học giả thời nay, sao lại lầm nhận ở phần Nghĩa-giải mà chẳng có thể quách ngộ tâm thần, thấy tột đến nguồn đáy, hầu vun quên niềm tin chân chính của mình. Trái lại, chỉ dùng lời Minh để dẫn chứng, theo ý riêng mà luận-phán một cách xa vời



cội rễ. Nhưng kẻ đó khác nào người bị mặc vàng dính trồng mắt, không thể bì kịp Đại sư ta vậy.

Tôi nhân buộc bính nơi mạn thuyền, phàm góp nhặt từng hai câu lại, làm một kệ ngữ, chẳng dám khoe khoang kiến văn đời mình để trông mong làm bậc mẫu mực hơn đời. Trong thâm tâm, chỉ muốn mở mang ở phần Nghĩa giải, bày tỏ chỗ chính ngộ, nhắc nhở kẻ đồng chí, cùng sách lệ tự mình. Trong đó, nếu có thêm bớt lời nào chẳng xứng hợp, thì tội lỗi của tôi sẽ làm thế nào mà cỗi bỏ.

Vì lẽ đó, tôi lấy Tín-Tâm-Minh mở rộng Nghĩa-giải này đặt làm tên.

\*

Chí đạo vô nan,  
Duy hiềm giản trạch.

Chí đạo không khó  
Chỉ hiềm lựa chọn

Tổ sư bảo : “ Chí đạo không khó, chỉ hiềm lựa chọn ”, nghĩa đó trái ngược nhau. Hai câu này là cương yếu của toàn thiện, và là bản-chỉ của lời Minh.

Một lời TIN trong đây nói là bao gồm cả chứng ngộ, chẳng phải tin của Tín hạnh. Như trong kinh Pháp-Hoa-Các người con hiểu pháp Quyền vào được thực, làm phẩm Tín-Giải để thuật lại bản hoài ra đời của đức Phật.

Mục đích Tổ sư ta nói : “ chỉ đạo ”. Duy Phật tự chứng, đó là Bồ đề ; chúng sanh mê muội, đó là vô minh. Trong kinh Chỉ bày rành rõ, đó là Bản giác . . . . đều là tên khác của một tâm này thôi. Đến như trùm khắp các danh

tướng, lẫn vào trong Sắc, Không ; lạ đường, khác dấu, thiên điều vạn mục đâu trái nhau, hơn, kém không xa cách, ngộ, mê, đâu chẳng do đây mà mà nêu lên. Như :

- Cây bách của Triệu-Châu.
- Vòng Kim-Cương của Dương-Kỳ.
- Phá sa bồn của Mật-Am,
- Thiết toan hãm của Đông-Sơn. . .

Di đoan cùng sanh khởi, tà pháp khó đỡ nâng thì biết lời nói “ chí đạo ” lưu hành vậy. Gồm thông sự, lý, dung quán cả cổ, kim, nói làm không khó e thành lời nói thừa !

Nhưng thánh phạm thâm tịnh, tốt cùng gọi là “ toàn chân ”, lựa chọn thì sanh tình, một bề trái với “ chí thể ”.

Do đó nên nói : “ Chỉ hiềm lựa chọn ”.

Văn sau tuy có khác, nhưng đều cùng một ý này.

Đản mạc tăng ái,  
Đông nhiên minh-bạch.

*Dịch* : Chớ khởi yêu ghét,  
Rõng suốt minh bạch.

Tổ sư bảo : “ chớ khởi yêu ghét, rõng suốt minh bạch ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Nhàm chán sinh tử, hãm mộ Niết bàn là yêu, ghét, xả bỏ phiền não, thú hướng Bồ-Đề là yêu ghét. Như vậy, chỉ ngay trong tất cả pháp Thánh, phạm, chẳng nên còn dính chùng lông tóc tình ưa, chán, thì tâm này tự nhiên rõng suốt.

Hào ly hữu sai,  
Thiên địa huyền cách.

*Dịch* : Sai tạc đường tơ,  
Đất trời xa cách.

Tổ sư bảo : “ Sai lạc đường tơ, đất trời xa cách ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Pháp môn rộng lớn của ta dạy, tuy rằng ngộ, mê không sai hở, nhưng nếu tình yêu ghét, lựa chọn còn chùng nã đường tơ chưa dứt sạch, thì sự cách xa của đất trời không xa hơn cái cách xa này.

Dục đắc hiện tiền,  
Mạc tồn thuận nghịch.

*Dịch* : Muốn được hiện tiền,  
Chớ để ngược, xuôi.

Tổ sư bảo : “ Muốn được hiện tiền, chớ để ngược, xuôi ”. Người Nhất-đẳng nghĩa giải lại bảo :

Đến đây, tổ sư nói phân đôi. Tại sao việc này xưa nay hằng hiện tiền, dạy cái gì muốn được ? Trong Giáo nói : Tánh chân chính không có gì mà chẳng thông, ngược, xuôi, đều là phương tiện. Ở đây, nếu bảo : “ chớ để ” liền thành đoạn diệt mất rồi !

Không phải như thế. Bởi Tổ sư khéo léo chiu uốn, vì người mới phát tâm, phương tiện an-ủy dạy dỗ họ, khác nào thức ăn ngon thì chẳng được ăn no.

Vi thuận tương tranh,  
Thị vi tâm bệnh.

*Dịch* : Thuận nghịch tranh nhau,  
Đó là tâm bệnh.

Tổ sư bảo : “ Thuận, nghịch tranh nhau, đó là tâm bệnh ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Sinh, tử vô thường là tâm bệnh, thấy, nghe, hiểu, biết, là tâm bệnh, tham thiền học đạo là tâm bệnh, thành Phật làm tổ là tâm bệnh. Hội thì cần phải cả hai đều quên, thuận, nghịch cả hai đều bỏ, Thánh, phàm muôn lự đều dứt, một đạo không tịch, chẳng cần muôn vàn, thuốc thần. Chính thường bảo : “ Tâm bệnh ấy tự nhiên không chỗ nương tựa được ”.

Bất thức huyền chỉ,  
Đồ lao niệm tịnh.

*Dịch* : Chẳng biết huyền chỉ,  
Nhọc công niệm tịnh.

Tổ sư bảo : “ Chẳng biết huyền chỉ, nhọc công niệm tịnh ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Huyền chỉ, tức là chỗ “ chí đạo ”. Tên tuy khác, mà thể vẫn đồng. Nếu chẳng nhận được, đâu khác niệm tịnh. Y mặc dù trải nhiều số kiếp như cát sông hằng, với muôn thứ tu chứng, mà tâm cứ chạy tìm pháp bên ngoài chỉ luống tự nhọc nhằn không ích. Vì thế, tổ sư chúng ta chẳng khứng vậy.

Viên đồng thái hư,  
Vô khiếm dư.

*Dịch* : Tròn đồng thái hư,  
Không thiếu không dư.

Tổ sư bảo : “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư”. Tông-lâm-Thương-lượng nói :

Tâm này, ở Thánh chẳng tăng thêm, ở Phàm chẳng giảm bớt, tròn đầy như thái hư, mỗi mỗi pháp đều sẵn đủ trong đó.

Lương do thủ xả,  
Sở dĩ bất như.

*Dịch* : Bởi do thủ xả,  
Vì thế, chẳng như.

Tổ sư bảo : “Bởi do thủ xả, vì thế chẳng như”.  
Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Tâm này đã tự tròn đầy như thái hư, không tương gì chẳng đầy đủ, tất cả đều như. Như vậy, ở trong pháp thâm-tịnh, nếu còn mong khởi niệm thủ, xả, thì chẳng như như rồi.

Mạc trực hữu duyên,  
Vật trụ không nhân.

*Dịch* : Chớ đuổi duyên trần,  
Cũng đừng không nhân.

Tổ sư bảo : “Chớ đuổi duyên trần, cũng đừng không nhân”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Cả hai đều hư huyền, tâm suy nghĩ, chấp trước, thủ xả, càng rối bời không rõ. Nếu được một niệm chẳng sinh, thường ở nơi trung đạo thì có thể làm “Đạo-nhân giải thoát”.

Nhứt chủng bình hoà,  
Dẫn nhiên tự tận.

*Dịch* : Một lòng bằng phẳng,  
Lặng yên tự dứt.

Tổ sư bảo : “ Một lòng bằng phẳng, lặng yên tự dứt ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Tình thủ xả đã sạch, tri kiến Thánh, Phạm không chỗ nương, tự nhiên tất cả chỗ đều bình thường, tất cả chỗ đều rộng rang dứt bật.

Chỉ động quy tịnh,  
Chỉ cánh di động.

*Dịch* : Ngăn động về tịnh,  
Hết ngăn lại động.

Tổ sư bảo : “ Ngăn động về tịnh, hết ngăn lại động ”. Một nhóm Sa-môn nghĩa học cho rằng :

Chân tâm trạm-nhiên thường trú chẳng động, vô thủ có lưu chuyển đó, đều do vọng kiến. Vả, động đã là vọng động, thì ngăn cũng là vọng ngăn thôi. Lấy vọng ngăn vọng, khác nào người ôm củi khô vào cứu lửa đang cháy, chỉ thêm sức cho lửa kia cháy dữ hơn.

Triệu Pháp Sư nói : Tìm xét là công tác chẳng động, lựa là bỏ động để cầu tịnh ư ? Hẳn phải tìm cái tịnh ngay trong các cái động, nên tuy động mà

thường tịnh ; Vì chẳng phải bỏ động mà tìm tịnh, nên tuy tịnh mà chẳng lìa động. Hằng xét như thế, thì động không tương động, tịnh không tương tịnh. Như trong Giáo nói :

Hai tướng động, tịnh rõ ràng chẳng sinh, bởi biết động tịnh đều là vọng duyên, bè lữ vọng đã tiêu thì hai tướng kia cũng liền theo đó mà tan mất.

Duy trệ lưỡng biên,  
Ninh tri nhứt chẳng.

*Dịch* : Chỉ kẹt hai bên,  
Đâu biết một thứ.

Tổ sư bảo : “ Chỉ kẹt hai bên, đâu biết một thứ ”.  
Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Hai bên, là hai tướng động và tịnh. Một thứ là, thấy thể không sai khác, là lời để giải thích hai câu trên. Nên biết, hai bên động và tịnh ấy, vọng thì đều vọng, chân thì toàn chân, há lại có hai mối khác nhau ư ?

Nhứt chủng bất thông,  
Lưỡng xứ thất công.

*Dịch* : Một thứ chẳng thông,  
Hai chỗ mất công.

Tổ sư bảo : “ Một thứ chẳng thông, hai chỗ mất công ”. Theo hạng Nhất-đẳng Đốn-Soạn Thiên Hòa, thì cho rằng :

Hai câu này là lời kết đoạn trước, để dẫn phần sau. Kết trước, nhằm bày tỏ chân lý chỉ một thứ.

Dẫn phần sau, thì thâm trách vọng duyên không và hữu.

Khiển hữu một hữu,  
Tùng không bối không.

*Dịch* : Đuôi có mắt có,  
Theo không phụ không.

Tổ sư bảo : “ Đuôi có mắt có, theo không phụ không ”. Có những kẻ theo câu bám lời nói :

Có là vọng có, do đuôi bỏ, nó liền lặng mắt. Không vốn tự không, bởi muốn chạy theo, nên trái với nó. Có, là cái có của nhà chấp không. Không, là cái không của nhà chấp có. Không mà được bởi có nên bày, có mà được bởi không nên hiển. Do bày nên không toàn là có ; do hiển nên có, toàn là không. Dung nhiếp lẫn nhau mà chẳng sai lệnh, cùng hiện tại cùng vào nhau vẫn không tồn giảm.

Do đó nên biết, đuôi đó theo đó, đâu chẳng theo vọng đấy ư ?

Đa ngôn đa lự,  
Chuyên bất tương ưng.

*Dịch* : Nói nhiều, nghĩ nhiều,  
Càng chẳng tương ưng.

Kẻ nghĩa giải cho rằng : “ Nói nhiều, cách đạo càng xa ”. Lại nói : “ Tâm thần chiếu suốt, im lặng như thánh ấy là Tông ”. Dẫn lời tổ sư Đạt-Ma, Ngài bảo : “ Bên ngoài dứt cả các duyên, trong tâm không còn khởi nghĩ ”.

Ngoài dứt các duyên thì quên lời nói kia.



Trong tâm không khởi nghĩ thì tuyệt lo toan kia.

Tuyệt ngôn tuyệt lục,

Vô xứ bất thông.

*Dịch* : Dứt nói, dứt nghĩ.

Chỗ nào chẳng thông.

Ngài Đạo-Ngô múa hốt, Ngài Thạch-Củng trương cung, con Sư tử Tây hà, con Đại-Trùng Trường-Sa. Vả, đương thời các Ngài có rất nhiều thái độ khác thường, mà mãi đến nay vẫn còn lan rộng, và trong môn hạ của tổ sư dạy thẳng là ngấm dấu ấn vết.

Vì sao như thế?

— Há chẳng thấy nói cái sàng, cái nia, cái thặng đều khác ; cái ấm đun trà với cái đấu sao thuốc chẳng đồng đấy ư ! Do đó, nên nói :

“ Dứt nói, dứt nghĩ, chỗ nào chẳng thông ”.

Hoặc có người y văn giải nghĩa rằng : Dứt nói thì đường ngôn ngữ đoạn, dứt nghĩ, thì chỗ tâm hành diệt. Ngôn ngữ đạo đoạn thì tịch mà chiếu, Tâm hành xứ diệt thì, chiếu mà tịch. Đến chỗ này, Thiền như Lai, Thiền Tổ sư khả dĩ quán xuyên nhau.

Lại có người xưa dạy y, đừng đi, bỏ hết đi, khước miệng lên meo, trên lưỡi mọc cỏ v. v... các lời như thế, chẳng phải lý này ư ?

Quy căn đặc chỉ,

Tùy chiếu thất tông.

*Dịch* : Về nguồn, được chỉ,

Theo chiếu, mất tông.

Cùng chǎng, cùng chǎng, chỉ tây làm đông.  
 Chǎng cùng chǎng, chǎng cùng chǎng, nhận có làm  
 không. Cùng chǎng trong chǎng cùng chǎng, giống  
 như lưới ngọc của trời Đâu-Suất gặp gió. Chǎng  
 cùng chǎng trong lại cùng chǎng, giấy ướt tương  
 lai sanh Đại trùng.

Cớ sao như thế ?

— Há chǎng thấy nói :

“ Về nguồn được chỉ, theo chiếu mất tông ”

Hạng người Nhất-Đẳng, họ khôn khéo sinh suy  
 tính cho rằng : Dứt nói, dứt lo nghĩ là trở về nguồn;  
 không chỗ nào chǎng thông, là được ý chỉ. Người  
 nếu tạo tác trở về nguồn cội được ý chỉ để hội, là  
 trở lại theo chiếu mất chân tông.

Nhưng cội nguồn không trở về thì chỉ thú  
 cũng chǎng được. Bởi chǎng rõ ý này, vọng tự  
 chấp nhận. Đó gọi là theo chiếu, vẫn còn dấu vết của  
 chiếu thì, tâm tông của Phật tổ, chǎng khỏi mất  
 vậy.

Tu du phản chiếu,  
 Thăng khước tiền không

*Dịch* : Phút giây soi lại,  
 Hơn không trước kia.

Tổ sư bảo : “ Phút giây lại, hơn không trước  
 kia ”. Hạng người Nhất-Đẳng cường nói đạo lý đó  
 rằng :

Sáng, tối, sắc, không tiêu tan, trở về tự mình,  
 đó gọi là “ Soi lại ”.

Nên biết : Không chǎng tự không, do tâm nên

không, Có cũng chẳng tự có, do tâm nên có; lìa tâm thì không cái không, rời tâm cũng không cả cái có. Chúng sanh vì trái bõ tâm mình, vọng thấy Có, Không, hai thứ khác nhau, rồi muốn theo đuổi nó, từ bỏ nó, đều là điên đảo.

Tiền không chuyển-biến,  
Giai do vọng kiến.

*Dịch* : Không trước chuyển biến,  
Đều do vọng kiến.

Tổ sư bảo : “ Không trước chuyển biến, đều do vọng kiến ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Có là vọng thì không cũng là vọng, không và có, đều theo duyên biến đổi không nhất định.

Muốn được lìa vọng, cả hai đều loại bỏ hẳn.

Bất dụng cầu chơn,  
Duy tu tức kiến.

*Dịch* : Chẳng cần cầu chơn,  
Chỉ cốt dứt kiến.

Dụng đứng cây sừng sắt, cầm ngang cây trường kiếm Y-thiên, an nhàn quên cả vắng bật ồn náo, trước cửa thấy đều đập cho thành một phiến. Đã tinh-chuyên, lại dững-kiện sẽ gọi là “ Thành Phật làm tổ ” chẳng cách một mảy trần. Năm được, Tam Tổ Đại sư nhẹ nhàn nói với y rằng : “ chẳng cần cầu chơn, chỉ cốt dứt kiến ”. Khéo khéo khán phương tiện ấy.

Người Nhất đẳng nghĩa học cho rằng : Kiến có

62 loại, trong pháp-số đã trình bày rành rẽ, chẳng ngoài Đoạn, Thường hai thứ Kiến-chấp làm chủ. Cầu chơn thì lạc Đoạn kiến; theo vọng, rơi vào Thường kiến. Kinh Lăng-Nghiêm bảo :

“Nói vọng để hiển các chơn, vọng, chơn cả hai đều vọng, vẫn chẳng phải chơn. Làm sao có năng kiến, sở kiến?”. Chỉ hay lìa tất cả kiến chấp toàn thể tức là chơn, chẳng cần phải cầu.

Nhị kiến bất trụ,  
Thận vật truy tầm.

*Dịch* : Hai kiến chẳng trụ,  
Dè dặt đuổi tìm.

Tổ sư bảo : “Hai kiến chẳng trụ, dè dặt đuổi tìm”. Người nghĩa giải cho rằng :

Đã chẳng trụ vọng, lại chẳng trụ chơn, cả cái chẳng trụ đó, cũng chẳng trụ. Chính ngay khi ấy, đại dụng dấy mãi lên. Có khởi, ắt toàn chơn, lại chẳng nhờ bỏ cái này, chạy kiếm cái khác.

Tài hữu thị phi,  
Phấn nhiên thất tâm.

*Dịch* : Vừa có thị phi,  
Lặng xặng mất tâm.

Tổ sư bảo : “Vừa có thị phi, lặng xặng mất tâm”. Trong Tông lâm thường thường cho rằng :

Thế giới khắp mười phương là Tự kỷ của Sa môn, mười phương thế giới là Pháp thân của Phật Tổ. Do đó nên nói: Đánh rơi chẳng phải vật nào khác, tung hoành cũng chẳng phải trần, cũng không

phải, cũng không chẳng phải, mỗi mỗi đều từ trong tâm diệu minh lưu xuất.

Nhị do nhất hữu,  
Nhứt diệt mạc thủ.

*Dịch* : Hai do một có,  
Một cũng chớ giữ.

Tổ sư bảo : “ Hai do một có, một cũng chớ giữ ”.  
Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Vừa thuận theo cái hai, tức đã mờ tối cái một, vừa ôm giữ cái một, tức sanh ra cái hai. Nên biết, hai là chơn và vọng, một ấy chính tâm mình, cái hai của chơn và vọng, một ấy chính tâm mình, cái hai của chơn, vọng đã trừ, thì cái một của tâm mình, không chỗ trụ, ta có thể gọi đó là con đường giải thoát thênh thang vậy.

Nhứt tâm bất sanh,  
Vạn pháp vô cữu.

*Dịch* : Một tâm chúng sanh,  
Muôn pháp không lỗi.

Tổ sư bảo : “ Một tâm chúng sanh, muôn pháp không lỗi ”. Kẻ nghĩa giải dẫn kinh luận khác cho rằng :

Tâm sinh các thứ pháp sinh, tâm diệt các thứ pháp diệt, các pháp chẳng tự sinh, các pháp cũng chẳng tự diệt, đều từ một tâm biến ra thôi. Một tâm nếu chẳng sinh thì các pháp vốn thường trụ. Vì thế, người xưa nói : “ Con trâu sắt chẳng sợ tiếng rống của Sư tử, in tường người gỗ thấy chim hoa ”. Chính một loại đấy vậy.

Vô cữu vô pháp,  
Bất sanh bất tâm.

*Dịch* : Không lỗi không pháp,  
Chẳng sinh chẳng tâm.

Tổ sư bảo : “ Không lỗi không pháp, chẳng sanh chẳng tâm ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Hai câu này nói ngược lại hai câu trên là : Không lỗi muôn pháp tự tiêu, chẳng sinh thì một tâm thường lặng lẽ. Pháp tiêu, tâm lặng là thể chí đạo, rộng rang sáng suốt, chẳng đợi được mà tự được.

Năng tùy cảnh diệt,  
Cảnh trọc năng trầm.

*Dịch* : Năng tùy cảnh bật,  
Cảnh theo năng chìm.

Tổ sư bảo : “ Năng tùy cảnh bật, cảnh theo năng chìm ”. Kẻ nghĩa giải vội vàng dẫn lời ngài Vĩnh-Gia rằng :

Cảnh chẳng phải trí thì chẳng liễu biệt, trí chẳng phải cảnh thì chẳng sinh, trí sinh do liễu biệt cảnh mà sinh, cảnh liễu biệt là do trí sinh mà liễu.

Nên biết, Năng là một tâm, Cảnh là các pháp. Năng là tên khác của trí, cảnh là hiệu riêng của pháp. Cảnh diệt thì tâm hay liễu biệt cũng diệt, tâm không thì cảnh đã hiện cũng chìm. Lăn tức lăn còn dung nhiếp lẫn nhau, từ trước không gián đoạn.

Những ai chẳng rõ lẽ ấy, gọi họ tự mê vậy.

Cảnh do năng cảnh,  
Năng do cảnh năng.

*Dịch* : Cảnh bởi năng cảnh,  
Năng do cảnh năng.

Tổ sư bảo : “ Cảnh bởi năng cảnh, năng do cảnh năng ”. Có người dựa theo cách nói này, mà sinh ra một lối hiểu :

Cảnh chẳng tự là cảnh, nhân năng nên có cảnh. Năng chẳng tự là năng, do cảnh nên có năng. Năng nhờ cảnh mà sinh, cảnh gá nơi năng mà khởi.

Nên biết, Sinh mà chẳng sinh, vì ngoài tâm không có pháp. Khởi mà chẳng phải khởi, vì ngoài pháp không có tâm. Đến chỗ này, Tổ sư đem “ một tâm muôn pháp ” vo tròn thành “ Một trái cây bí mật ”, chỉ cần y cười nói và nuốt một cái thôi.

Dục tri lưỡng đoạn,  
Nguyên thị nhất không.

*Dịch* : Muốn biết hai đoạn,  
Nguyên là một không.

Tổ sư bảo : “ Muốn biết hai đoạn, nguyên là một không ”. Kẻ nghĩa giải thương lượng cho rằng :

“ Hai ” tức chỉ cho tâm và pháp ở trước. Còn nói “ Một không ” chẳng phải cái không như thái-hư của phái Ngoan-nhiên họ chấp, cũng chẳng phải cái không đoạn diệt của Tiểu thừa, mà là cái chân không, linh giác, không hình, không tướng vậy.

Thế không này, là nguồn gốc của chư Phật, là mẹ đẻ của vạn linh. Không tiếng, không mùi, vôi vọi đối trước quần tượng, chẳng có chẳng không, rờ rờ biểu hiệu giữa các trần, đấy vậy.

Nhứt không đồng-lương,  
Tề hàm vạn tượng.

*Dịch* : Một không đồng hai,  
Đều gồm vạn tượng.

Tổ sư bảo : “ Một không đồng hai, đều gồm vạn tượng ”. Kẻ nghĩa giải suy đoán cho rằng :

Tâm chẳng khác pháp là “ Một không đồng với hai ” Pháp chẳng khác tâm là “ đều gồm vạn tượng ”.

Nên biết, người xưa nói : Thấy sắc bèn thấy tâm, không sắc thì tâm chẳng hiện. Lại trong kinh cũng nói :

“ Sum la vạn tượng là sở ấn của một pháp ”. Thế nên, Tổ sư mới phát minh nơi đây.

Bất kiến tinh thô,  
Ninh tâm kiệt đảng.

*Dịch* : Chẳng thấy tinh thô,  
Tâm yên dứt sạch.

Người nghĩa giải cho rằng : Tâm pháp đã không, năng sở đều bất thì chúng sanh, Phật thế đồng ; ngộ, mê chỉ một mối, nên dẫn lời minh dứt tâm nói :

“ Cái gì quý ? Cái gì tiện ? Cái gì nhục ? Cái gì vinh ? Cái gì được ? Cái gì mất ? Cái gì trọng ? Cái gì khinh ? Một đao hư tịch, muôn vật đều bằng đó là lời để chứng minh.



Đại đạo thể khoan,  
Vô dị vô nan.

*Dịch* : Đạo lớn thể rộng,  
Không dễ không khó.

Tổ sư bảo : “ Đạo lớn thể rộng, không dễ, không khó ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Xưa nay cái ấy, bao trùm mặt trời, mặt trăng, nhà, hư không ở trong. Phật tổ chẳng biết tên, cõi đại địa chỗ mà chẳng đứng dậy. Như Trời che khắp, đất đỡ khắp, mỗi mỗi đều viên thành, người người đều đầy đủ. Lại còn gì mà nói rằng khó, rằng dễ ấy ư ? Cái khó và dễ đó, là ở người chẳng phải ở pháp. Tin chắc tâm mình là Phật, tức dễ, chẳng tin tâm mình là Phật tức khó vậy.

Tiểu kiến hồ nghi,  
Chuyển cấp chuyển trì.

*Dịch* : Hiểu cạn hồ nghi,  
Chuyển gấp chuyển trì.

Tổ sư bảo : “ Hiểu cạn hồ nghi, chuyển gấp, chuyển trì ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Từ không kiếp trở về trước, tất cả chúng sanh, cùng ba đời các đức Phật, đồng thành chánh giác, lúc đầu không thiếu khuyết. Chẳng rõ tâm này, trở lại rơi vào ngu mê mà chẳng hay biết.

Thế nên, các Phật, Tổ dùng trăm ngàn phương tiện, dẫn dắt họ, sách lệ họ, khiến họ ngộ nhập. Do đó, nên nói :

“ Vì một đại sự nhân-duyên, nên xuất hiện ở đời ”, chính là đây.

Chỉ tại học nhưn chẳng tin tâm mình là Phật, mà muốn chạy tìm vật khác ở ngoài tâm, nên mới bài xích, cho hạng người như thế là “hiếu cạn”.

Nên biết, tâm này vốn tự đầy đủ, bảo rằng, nó mau được thành Bồ-đề là lời nói thừa. Bởi có gì là mau là chậm đâu ?

Chấp chi thất độ,  
Tâm nhập tà lộ.

*Dịch* : Chấp đó mất chừng,  
Ắt vào đường tà.

Tổ sư bảo : “Chấp đó mất chừng, ắt vào đường tà”. Thời nay có hạng người Hữu-đẳng, y cứ địa vị Thầy của mình, thấy người khác bảo :

Khán câu nói của người xưa, dùng làm công phu. Chăm chăm chẳng rời tất bóng, nghiên cứu được xong việc ấy của mình. Người đó, bèn vội dẫn hai câu này bài-bác người kia rằng :

“Chấp đó mất chừng”. Lại bảo

“Phật Pháp còn có việc ấy nữa sao ?

Tất cả chỗ thấy đã thành công, sao chẳng nhận lấy, lại làm mô-dạng riêng cái việc chết ấy mà làm gì ?”

Phóng chi tự nhiên,  
Thể vô khứ trụ.

*Dịch* : Buông đó tự nhiên.  
Thể chẳng khứ, trụ.

Kẻ nghĩa giải cho rằng : Tâm chấp đã dẹp, tự nhiên nhậm vận đặng đặng, không trói không buộc ;

động như mây bay, dừng như cốc thần. Đã không tâm đối với bỉ, thử, há có chia chẻ ở nơi khứ, trụ ư? Kinh Viên-Giác nói :

“ Ở tất cả thời, chẳng khởi vọng niệm, đối với các vọng tâm, cũng chẳng dứt diệt; ở trong cảnh vọng tưởng, chẳng thêm liễu tri, đối với không liễu tri, chẳng biện chân thực”, cũng gần nhau vậy. Tỉnh phạm, thánh sạch, thể chân-thường lộ, xa dứt vọng duyên, tức như chư Phật.

Nhiệm tánh hiệp đạo  
Tiêu dao tuyệt não.

*Dịch* : Nhậm tánh hợp đạo,  
Tiêu dao tuyệt não.

Tổ sư bảo : “ Nhậm tánh hợp đạo, tiêu dao tuyệt não ”. Kể nghĩa giải cho rằng :

Tâm không, như học trò thi đậu, tánh chẳng đợi nhậm mà tự nhậm, đạo chẳng đợi hợp mà tự hợp, tiêu dao như mây ra khỏi hang núi, tuyệt phiền não, như vàng trắng ngự giữa hư không, trong mặt gương tròn lớn, có gì mà chẳng như thế.

Hệ niệm quai chơn,  
Trầm hôn bất hảo.

*Dịch* : Buộc niệm trái chân  
Hôn trầm chẳng tốt.

Tổ sư bảo : “ Buộc niệm trái chân, hôn trầm chẳng tốt ”. Kể nghĩa giải dẫn trong kinh cho rằng :  
Tâm chẳng buộc nơi đạo, cũng chẳng kết nghiệp,

đó là người được đạo. Hoặc dẫn lời của Ngài Đức-Sơn nói :

“ Còn buộc niệm chừng hào ly, là nghiệp nhân tam đồ ”, lấy đó làm chứng cứ. Lại nói :

Kẻ thể hội được đạo, vừa có chút tình Phàm, Thánh, ngộ, mê bằng tiêm hào, buộc ở niệm lự, thì bị cái thấy Phàm, Thánh, ngộ, mê ấy làm mờ ám, cần phải một vật chẳng can thiệp, muôn duyên đều quét sạch, mới có thể hợp với chỗ thấy của người xưa.

Bất hảo lao thần,  
Hà dụng sơ thân.

*Dịch* : Chẳng tốt nhọc thần,  
Đâu cần sơ thân.

Tổ sư bảo : “ Chẳng tốt nhọc thần, đâu cần sơ thân ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Do buộc niệm, bèn trái chân thể. Đã trái chân thể, tức nhọc thần, bởi nhọc thần, ắt có thân sơ.

Nên biết, buộc niệm là nhân của thân, sơ ; thân sơ chính là quả của buộc niệm. Tổ sư nói : Dùng cái gì, cần rồn đâu tới ư !

Dục thú nhất thừa,  
Vật ố lục trần.

*Dịch* : Muốn đến nhất thừa,  
Chớ ghét sáu trần.

Tổ sư bảo : “ Muốn đến nhất thừa, chớ ghét sáu trần ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Nhất thừa tức dị-danh của tâm mình, Sáu trần, căn, thức, Mười tám giới, cũng là biệt hiệu của tâm

mình, làm sao lại có thẳng đến nhất thừa mà chán ghét sáu trần? Ấy cũng chẳng khác, yêu thích tay chân mà quên bỏ vai lưng.

Nên biết, Ngũ tâm này, sáu trần tức nhất thừa, mê tâm này thì nhất thừa đều là sáu trần. Bùi-Tướng-Quốc cũng nói :

Trái đó là Phàm

Thuận đó là Thánh

Lại kinh Lăng-Nghiêm dạy : “ Này A-Nan ! ông muốn nhận rõ Câu-sinh Vô-minh, khiến ông trôi lăn trong sanh tử, kết làm cội gốc, chỉ tại sáu căn của ông, không phải vật gì khác. Ông lại muốn biết, Vô thượng Bồ-đề, khiến ông mau chứng an-lạc giải-thoát tịch tịnh diệu-thường, cũng chính sáu căn của ông, chẳng phải vật nào khác.

Lục trần bất ác,

Hoàn đồng chánh giác.

*Dịch* : Sáu trần không ghét,

Hoàn đồng chánh-giác.

Tổ sư bảo : “ Sáu trần không ghét, hoàn đồng chánh giác”. Kể nghĩa giải cho rằng :

Cũng không sáu trần, cũng không chánh giác, gồm chỉ cho tâm địa diệu minh. Nói cách khác, là sáu trần vẫn được, là chánh giác vẫn được. Những ai, nếu đối với tâm địa diệu minh này, có điều gì chẳng rõ, nói là sáu trần cũng chẳng rõ. Nói là chính giác cũng chẳng rõ. Riêng có việc gì khác đâu ? Chỉ cái rõ cùng chẳng rõ đó, mà khiến cho Phật Tổ mỗi miệng nhọc lưỡi chia chẻ hơn,

kém, đều là tự mình chẳng trượng phu khiến nên như vậy thôi.

Trí giả vô vi,  
Ngu hơn tự phược.

*Dịch* : Kẻ trí vô-vi,  
Người ngu tự buộc.

Tổ sư bảo : “Kẻ trí vô vi, người ngu tự buộc”. Kẻ nghĩa giải cho rằng : Trí chẳng tự có trí, do ngộ mà trí hiện. Ngu chẳng tự mình ngu, nhân mê mới ngu. Kẻ trí, ngộ tâm mình, tâm ngộ, vốn vô vi. Người ngu cũng tự tâm học mê, tâm mê, trở lại tự trói buộc.

Nên biết, Vô vi của người ngộ, dù cho trời, đất, quỷ, thần chẳng có thể khiến họ làm được. Tự trói buộc, của người mê, dù cho ngàn vị Thánh, muôn vị Hiền cũng không làm sao cởi mở cho họ được. Duy Trí cùng với Ngu đó, thấy do tâm biến ra, đâu phải vật nào bên ngoài có thể sai khiến ta (mình) như thế ư ?

Pháp vô dị pháp,  
Vọng tự ái trước.

*Dịch* : Pháp không pháp khác,  
Tự vọng ái trước.

Tổ sư bảo : “Pháp, không pháp khác, tự vọng ái trước”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Xinh xinh trúc biếc, thấy đều chân như,  
Rợp rợp hoa vàng, chính là Bát nhã.

Cùng khắp pháp giới như vi trần, tất cả thanh, sắc hiện có trong biển cả, ngay trong đó mà tìm một tướng đồng nhau chẳng thể được, tìm một tướng khác nhau, cũng chẳng thể được, rời ngoài đồng và khác nhau này, đều chẳng thể được.

Than ôi ! Người chẳng rõ chỗ này, đắm trước Phật, bị Phật ngăn ngại, đắm trước Pháp bị Pháp ngăn ngại. Và đắm trước Phật, Pháp còn mắc chướng ngại thay ! Hàng phục nó để nó lôi đi, lại còn đắm trước cái gì mà chẳng bị chướng ngại ư ?

Tương tâm dụng tâm,  
Khởi phi đại thác.

*Dịch* : Đem tâm dụng tâm,  
Há chẳng lầm to.

Kẻ nghĩa giải nói : Người muốn thành Phật là đem tâm dụng tâm, muốn làm Tổ là đem tâm dụng, tâm nhân đến muốn vượt khỏi sinh tử, trụ vào Niết-bàn, chứng Bồ-đề, dứt phiền-não v. v . . . , thấy đều chẳng ngoài việc “ đem tâm dụng tâm ”.

Mê sanh tịch loạn,  
Ngô vô hảo ác.

*Dịch* : Mê sanh tịch, loạn  
Ngộ không tốt, xấu.

Tổ sư bảo : “ Mê sanh tịch, loạn, ngộ không tốt xấu ”. Kẻ nghĩa-giải cho rằng :

Trong thể chân tịch, tất cả không còn dấu vết. Kinh Lăng-Nghiêm nói :

Vô lậu chân tịnh, làm sao trong đó lại chứa vật khác ?

Bởi hạng người kia chưa ngộ lý này, trước mắt, chẳng thấy tịch, bèn thấy loạn, chẳng thấy động, bèn thấy tịch. Chẳng biết, động ấy là mê, loạn ấy cũng là mê, tịnh ấy là mê thì tịch ấy cũng là mê, cho đến thấy chính mình liền đó thành Phật cũng toàn là mê. Người hay rõ được tâm mê này, sẽ vượt ngoài giải thoát, thì mỗi mỗi là thiên chân mỗi mỗi là diệu minh. Đã chẳng thấy loạn, cũng chẳng biết tịch, xa rời cả hai bên, trung đạo cũng chẳng lập thì đâu có cái tình tốt, xấu, lại bị nó làm chướng làm ngại được ư ?

Nhứt thiết nhị biên,  
Vọng tỵ chiêm chước.

*Dịch* : Tất cả hai bên,  
Do vọng chiêm chước.

Tổ sư bảo : “ Tất cả hai bên, do vọng chiêm chước”. Hoặc có vị Đổ-tuần-quan, soạn chú giải cho rằng :

Vừa thấy có loạn, bèn thấy có tịch.

Nến biết, loạn chẳng tự nó loạn, nhân nơi tịch nên có loạn, tịch cũng chẳng tự nó tịch, nhân nơi loạn, nên có tịch. Do đó, các pháp lăng xăng trước mắt ta, chưa có một pháp nào chẳng đối nhau, đối nhau mà khởi lên. Trên nói hai chữ chiêm chước bèn là ban đầu nói đến cái lý tuyên



trạch gần gũi nhau vậy. Bởi hạng người kia, phần nhận thức tuyển trạch của họ chưa tiêu, thì đối với hai bên loạn, động v.v... động thành niệm châm chước. Lại bởi người đó, chưa đuổi bỏ được, thì tất cả chẳng được chẳng hai.

Mộng huyễn không hoa,  
Hà lao bả tróc.

*Dịch* : Mộng huyễn, không hoa  
Đâu nhọc nắm bắt.

Tổ sư bảo : “ Mộng huyễn không hoa, đâu nhọc nắm bắt ”. Kể nghĩa giải dẫn trong kinh nói :

Tất cả pháp hữu-vi,  
N như mộng, huyễn, bọt, bóng,  
N như sương, cũng như điện,  
Nên khởi quán thế ấy.

Lại dẫn Ngài Vĩnh-Gia nói :

Buông hết bốn đại, chớ nắm bắt,  
Trong tánh tịch diệt, tùy âm, trác.  
Các hành vô-thường, thấy đều không,  
Tức là Đại-Viên-Cảnh Như-Lai.

Bèn mặc tình mà duyên, tùy ý tạo tác, đến như, hủy phạm cấm giới, phá hoại luật nghi đều dùng hai câu trên để làm chứng.

Đắc thất thị phi,  
Nhứt thời phóng khước,

*Dịch* : Được mất phải quấy,  
Một lúc buông bỏ.

Tổ sư bảo : “ Được mắt phải quấy, một lúc buông bỏ ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Trong một pháp giới, không gì là được, không gì là mất, cũng không gì là phải, là quấy. Bởi do vọng tình chợt khởi các dị kiến nầy sinh. Ở trong không được mất mà được mất tràn ngập, ở trong chỗ không phải quấy mà phải quấy lằng xằng. Do đó Tổ sư dạy : Y nhất thời không buông bỏ, đã là dao nhọn chạm vào tay, đứt bằng sóng dậy rồi. Ông lại biết chăng? Xưa nay đã không thì buông bỏ cái gì? Nếu lại bảo, có cái lẽ có thể buông bỏ thì được mất phải quấy nhằm chỗ nào mà an trí !

Nhân nhược bất thù,  
Chư mộng tự trừ.

*Dịch* : Mắt nếu chẳng ngủ,  
Các mộng tự trừ.

Tổ sư bảo : “ Mắt nếu chẳng ngủ, các mộng tự trừ ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Hai câu này là trước dụ, sau hợp pháp. Như người đôi mắt mở to, luôn luôn chẳng nhắm, thì các cảnh mờ tối tự bỏ đi. Đã chẳng mờ tối thì đâu có mộng duyên.

Tâm nhược bất dị,  
Vạn pháp nhất như.

*Dịch* : Tâm, nếu chẳng khác,  
Muôn pháp nhất như.

Tổ sư bảo : “ Tâm nếu chẳng khác, muôn pháp nhất như ”. Kể nghĩa giải cho rằng :

Muôn pháp vốn như, do tâm bèn khác. Ví như núi chẳng tự cao, nước chẳng tự sâu, bởi tâm có khác, nên nước sâu. Tâm này, đối khác thì ngàn sai tranh nhau khởi lên, muôn biệt ngan nhiên sinh hoạt, đầu hay lưng cũng đều là thân. Thế mà xem như nước Sở, nước Việt, anh em ruột thịt mà coi như trời vực. Bởi vì kia có khác, nên đến tình gần còn như thế. Ví kia Thánh, phàm chung một, vật, ngã bằng nhau, tự, tha một mối v.v. . . thì thương hay ghét còn có thể được ư ?

Trong kinh cũng nói : Chưa đạt cảnh duy tâm, thì các thứ phân biệt khởi, như đám người mù sờ voi, như người Quảng-khách nghi rắn. Ở trong không đồng và khác, mà đồng, khác lưng lầy. Bao giờ lột được lớp màng mắt nhậm, cắt đứt những sợi tơ lằng xằng ngoài hư không, thì dung hợp pháp giới vào một tâm này, như gương chiếu gương. Chuyển núi sông vào tự mình, in tuồng không hợp không. Đến đây các duyên tự lặn, muôn lự thấy tiêu, hai kiến chấp chẳng sinh, ấn định chỉ một pháp. Có thể gọi là xa hợp với lệnh tổ, thâm khế với tâm Phật.

Nhứt như thể huyền,  
Ngọt nhĩ vong duyên.

*Dịch* : Nhất như thể huyền,  
Ngây ngất quên duyên.

Tổ sư bảo : “ Nhất như thể huyễn, ngây ngất quên duyên”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Thể nhất như, huyễn lại diệu huyễn, chẳng do nhân duyên mà có, chẳng phải tự nhiên mà thành, rời tứ cú, tuyệt bách phi, dù con mắt của Phật, Tổ cũng không dòm ngó được, tâm của Thánh, hiền cũng chẳng xét lường nổi.

Ném côi đại thiên ra phương ngoài, nhét pháp giới trong đầu sợi lông. Một không, tất cả đều không, chẳng cần chia cắt ; một có, tất cả đều có, há dụng tài bồi. Cát, bụi chẳng dụ được cái nhiều của nó, tóc, lông chẳng thể so sánh cái ít của nó. Có thể nói :

Quên duyên, dứt đối đãi là huyễn-thể của nhất như vậy.

Vạn pháp tề quán,  
Quy phục tự nhiên.

*Dịch* : Muôn pháp đồng quán,  
Trở lại tự nhiên.

Tổ sư bảo : “ Muôn pháp đồng quán, trở lại tự nhiên”. Kẻ nghĩa giải dẫn các nhà kinh giáo khác cho rằng :

Tùy duyên, nên chân như là muôn pháp. Bất biến, nên muôn pháp là chân như. Lại nói :

Lại, không có ngoài tâm hay làm duyên cho tâm, đều là tự tâm sinh ra, rồi trở lại làm tướng cho tâm. Đây nói giống với lý “ Muôn pháp đồng quán ” của tổ sư nói trên, chẳng trái nhau vậy.

Hoặc nói rằng, cùng quán sát, cũng là chẳng lựa chọn. Bóng dưới đáy nước, nếu còn chọn lựa, thì không thể nào quán sát được.

Dẫn kỳ sở dĩ,  
Bất khả phương tỷ.

*Dịch* : Sạch lý do kia,  
Không thể so sánh.

Trong điện, ngoài tường, đánh xe, đánh trâu dựng nắm tay, dựng ngón tay, cây côn Tuyết Phong ba trái cầu gỗ, phong thơ Huyền-Sa, ba trang giấy trắng. Linh sơn nói tánh, nói tâm, Thiếu thất chia da chia cốt, Tào-Động liệt quần thần 5 vị, Quy-Ngửng hội phụ tử một môn. Ngâm nga mãn mục thanh sơn, chỉ điểm hồ nước trước cửa. Buông ra ánh sáng trùm che năm trời, năm trụ gió đuổi muôn dặm, trước tiếng chẳng cho dừng máy, ngoài câu há cho cấm mỏ chim, một tiếng quát ! Thấy đều mở mắt mà tiểu trên giường, đốt hương dẫn quý. Thế nào, tổ sư bảo :

Sạch lý do kia,  
Không thể so sánh ?

Người nghĩa giải cho rằng, kinh Bát-Nhã, dùng một trăm thí dụ để dụ cho Bát-nhã. Trong kinh khác, lại dùng một trăm thí dụ để dụ cho giải-thoát. Hoặc lại dùng một trăm thí dụ để dụ cho Tâm-Bồ-đề. . . đã đầy dẫy trong các kinh sách như thế, đâu có cái lý “ Không thể so sánh ” ?

Nên biết, Bát-nhã, Giải-thoát, Bồ-đề, thì có

thể dụ. Khiến cho vất sạch tất cả danh tướng, cùng với nhất tâm đều dứt bật, chính khi đó, lại lập được cái thí dụ gì?

Hoặc có người cho rằng, Người xưa nói :  
Con cò trắng đứng trên đồng tuyết, chẳng cùng màu.  
Trắng sáng với hoa lau chẳng giống đất.  
Nói như thế, há chẳng phải “ không thể so sánh ”  
đấy ư ?

Chỉ động vô động,  
Động chỉ vô chỉ.

*Dịch* : Dừng động, không động,  
Động dừng, không dừng.

Tổ sư bảo : “ Dừng động, không động, động  
dừng không dừng ”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Tổ sư dùng lòng bà lão tha-thiết, đem cả dừng  
và động hai bên cốn làm một khối nói phá cho ý.  
Cùng với ý, Chỉ của Triệu-Pháp-sư “ tức tịnh mà  
động, tức động mà tịnh ” đại khái đồng một đường.  
Và cũng là cái chỉ-thú “ Muôn pháp đều quên ”, há  
riêng có động và dừng như thế ư ? Bởi tất cả  
cảnh duyên cũng đều như cũ, tức dừng là động.  
Hoa rơi hoàn toàn bởi tại gió xuân đưa, tức động  
là dừng, nước đứng mặt trời hiện ra cũng chỉ  
là nước mà thôi. Người đạt xem suốt, vốn không  
khác biệt, kẻ dốt do đây lại khởi điên-đảo.

Lưỡng ký bất thành,  
Nhứt hà hữu nhĩ.

*Dịch* : Hai đã chẳng thành,  
Một làm gì có.

Tổ sư bảo : “ Hai đã chẳng thành, một làm gì có ”. Kẻ nghĩa giải nói :

Thị không Phi, chẳng Thị; Phi không Thị, chẳng Phi, vừa thấy có Thị, trước còn Phi kia. Vừa thấy có Phi, trước còn Thị kia. Vì thế, Thị chẳng đơn lập, riêng mình Phi chẳng tồn tại. Phi là cội của Thị, Thị là gốc của Phi, đến như chân, vọng, ngộ, mê v. v. . . đều đồng lẽ trên.

Nhưng hai bên Thị, Phi đã bỏ thì cái một Trung đạo đâu còn? Đến đây Tổ sư có thể gọi là lòng bà già thương chúng ta thái quá, đã vì chúng ta, mà vạch gan, mổ tim ra vậy.

Cứu cánh cùng cực,  
Bất tồn quý tặc.

*Dịch* : Rốt ráo cùng cực,  
Chẳng còn quý tặc.

Tổ sư bảo : “ Rốt ráo cùng cực, Chẳng còn quý tặc ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Khắp cùng mười phương thế-giới, chỗ có hư không và các sắc tượng lớn, nhỏ như mũi kim bễ cả đều là cái tự mình. Tin thì đi bộ chẳng rời ông tổ đất ruộng. Tin thì miệng nói ra thấy hợp với chân thuyên của Phật xưa. Nhẫn đến, ôm vợ mắng Thích-Ca, say rượu đánh Di-Lặc, đều thành “ Nhất hạnh tam muội ”, nói thế nào Khai, Giá, Trì, Phạm v. v. . . ? Nên Ngài Vĩnh-Gia cũng nói :

“ Người đại ngộ, chẳng còn câu nệ nơi tiêu tiết ”.

Khế tâm bình đẳng,  
Sở tác câu tức.

*Dịch* : Hợp tâm bình đẳng,  
Sở tác đều dứt.

Tổ sư bảo : “ Hợp tâm bình đẳng, sở tác đều dứt ”. Người nghĩa giải dẫn trong kinh nói :

Pháp ấy vốn bình đẳng, không có cao, thấp. Ví như Thủy ngân bị rơi xuống đất, lớn thành hạt tròn lớn, nhỏ thành hạt tròn nhỏ, hết cả cõi đại địa này, lại không có một pháp nào chẳng tương ứng với tâm mình.

Đức Như-Lai lúc mới thành đạo, Ngài xem xét mạng sống đã trải qua trong nhiều kiếp, các hạnh nghiệp đã tu tập thấy như giấc mộng, không thực, cũng không có Tác-giả, cũng không chẳng Tác-giả. Do đó, nên nói : Tu tập phạm hạnh như hoa đóm giữa hư không, ngồi yên đạo tràng, như trăng lồng đáy nước, hàng phục các ma quân như bóng trong gương, thành tựu Phật sự như việc trong mộng. Bởi do chưa rõ tâm này, ở trong bình đẳng, mà thấy chẳng bình đẳng. Do kia chẳng bình đẳng, nên tất cả cảnh sở tác, từ đó mà hưng khởi.

Hồ nghi tận tịnh,  
Chánh tín điều trực.

*Dịch* : Hết sạch hồ nghi,  
Chánh tín điều trực.

Tổ sư bảo : “ Hết sạch hồ nghi, chánh tín điều trực ”. Người nghĩa giải cho rằng Tin có hai :

1. Tin chánh. 2. Tin tà.



Tin tâm mình là Phật, chẳng nhờ tìm bên ngoài, là lòng tin chân chánh. Chẳng tin tâm mình là Phật, khởi tâm chạy tìm bên ngoài, dùng cái có mà thi vi rộng rãi đều gọi là tin tà.

Nên biết, lòng tin chân chính cũng có niềm nghi ở trong tin chân chính. Do chưa chứng đắc, sở dĩ khởi nghi. Niềm nghi càng sâu, lâu xa chẳng lui sụt, chột vậ rộng suốt, một niệm được mở sáng, ấy gọi là dưới cái nghi lớn có cái ngộ lớn.

Lại cần rõ, ngộ là kết quả của tin, tin ấy nguyên nhân của ngộ. Triệu Pháp sư bảo :

Quả chẳng đồng nhân, nhân cái nhân mà thành quả. Xét như thế, thì tin ở đây nói tức là lúc ngộ, lúc ngộ chẳng khác lúc tin. Lời Minh của Tổ sư, đề mục là Tín-Tâm, chính một loại với đây vậy.

Phải biết rằng, hạng đại căn khí, một phen nghe liền đứng hẳn dậy, như nhận được vật xưa, rõ ràng ở trong tâm. Dù cơm áo có thể quên, tánh mạng có thể bỏ, chớ muốn người đó tạm trong chốc lát bỏ niềm tin chân chính này chẳng thể được vậy. Thế nên, người xưa nói :

Giả sử trong bánh xe sắt cháy đỏ trên đánh đầu ta mà xoay, trợn chẳng vì nỗi khổ này mà thôi thất tâm Bồ-đề. Chí niệm của niềm tin kia, quả thật kiên mật như thế, thì đâu có gì chẳng được thân chúng ư ?

Bỏ đây thì tự mình tin theo tà vậy, rồi sinh nghi. Nghi mãi chẳng thôi, lại sinh kiến chấp điên đảo. Cứ thế, mà rong ruổi theo vọng duyên, quyết chắc trôi vào ngục vô gián, chẳng sai !

Nhứt thiết bất lưu,  
Vô khả ký ức.

*Dịch* : Tất cả chẳng lưu,  
Không nên ghi nhớ.

Tổ sư bảo : “Tất cả chẳng lưu, không nên ghi nhớ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Chỗ tâm hành diệt là, Tất cả chẳng lưu, đường ngôn ngữ dứt là, Không nên ghi nhớ. Ngoài không pháp có thể bỏ là, Tất cả chẳng lưu, trong không tâm có thể làm (nghĩ) là, Không nên ghi nhớ. Rõ ràng thấy không một vật, cũng không người, cũng không Phật, đại thiên sa giới là, mây bọt trong biển, tất cả Thánh hiền như làn điện chớp, đó là Tất cả chẳng lưu. “Nam đài tịnh tọa một lò hương, trọn ngày lóng sáng, muôn lự quên. “Chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng, trọn duyên vô sự khá tư-lương”, ấy là Không nên ghi nhớ.

Hư minh tự nhiên,  
Bất lao tâm lực.

*Dịch* : Rỗng sáng tự chiếu,  
Chẳng nhọc tâm lực.

Tổ sư nói những gì ? Người nghĩa giải cho rằng :

Tràn đầy thanh tịnh, trong chẳng chứa vật gì khác, ấy gọi là rỗng. Châu Li riêng sáng soi, vầng trăng tự chiếu suốt, ấy gọi là sáng. Đã rỗng mà sáng, vật đến soi vật. Công dụng tự chiếu đó, chẳng cho có lời nói, một chút tâm lực chùng sợi lông để che ngăn, chẳng được gọi là “rỗng sáng tự chiếu” vậy.

Phi tư lương xứ,  
Thức tình nan trắc.

*Dịch* : Chẳng phải chỗ suy,  
Thức tình khôn dò.

Tổ sư bảo : “ Chẳng phải chỗ suy, thức tình khôn dò ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Thức là cái thức của nhà Duy Tâm, Tâm là cái Tâm của nhà Duy Thức, hai lẽ này như nước với sữa, khó phân tích ra được.

Nên biết, Thức là nước, Tâm là sữa ở trong nước. Do đó, các nhà bên Giáo cho rằng : Giống Nga Vương chọn sữa, đâu đồng với loài Vịt. Chỉ là trong nước đều có sữa, duy Nga Vương mới phân tích được thôi, ngoài ra, các loài Thủy-tộc đều chẳng có thể biết. Dụ cho tất cả trong Thức đều đủ Chân tâm. Chỉ có Phật Tổ mới có thể rõ suốt. Cái linh tri soi chiếu gọi là tâm, cái hay xét suy, nhớ giữ, phân biệt, thủ, xả v. v. . . gọi là Thức, có tám thứ :

Sáu căn gồm đủ là sáu, thứ bảy là Mạt-Na, thứ tám là A-Lay-Da, cũng gọi là Như-Lai-tàng. Bảy thức trước là nhánh lá, chỉ có thức thứ tám mới là cội rễ mà thôi.

Trong Giáo giải thích : Thức thứ tám này, lại thì tiên phong, đi thì điện hậu, Ngộ là Như-Lai-tàng, mê là Alaya. Thức này, ở mê thì gìn giữ từ vô lượng kiếp đến giờ, việc bỏ thân thọ thân và tất cả nghiệp lành, dữ, vô ký v. v. . . Ở ngộ cũng hay gìn giữ từ vô thỉ đến giờ tất cả các thứ Trí huệ, Bồ đề, Giải thoát. Thức này, từ mê vào ngộ

chuyên làm Đại-Viên-Cảnh-Trí, tên đổi mà thể chẳng đổi. Chính hiện nay, ngay trong bốn đại, năm uẩn, các pháp Thánh, Phạm, nó ghi nhớ rõ ràng, tác dụng phân biệt. Đến như thấy, nghe, hiểu, biết, ba cõi ba lăng xăng, muôn pháp xuống lên, một niệm khởi, diệt, không pháp nào mà chẳng nương nó sinh ra. Vì thế nên nói :

“ Muôn pháp chỉ có thức ”

Ngài Khuê-Phong cũng bảo :

“ Sanh, pháp vốn không, tất cả chỉ có thức ”.

Ôi ! Người học đạo thời nay, chẳng có thể đem mạng căn của mình dứt cả hai đầu. Chơn dẫm trên đất tòng lâm mà chỉ dùng vốn liếng riêng tư của thông minh, dẫn khởi tình thức. Đọc xem các huyền-giải, ghi nhớ trong tâm, bỗng vậy phô bày khoác lác. Chẳng biết đó là tình thức nương nơi thông mà có sáng suốt, chấp cứng cho đó là thâm ngộ, hoặc vọng nhận cảnh sáng suốt linh diệu trước mắt, rồi múa miệng, khua lưỡi cho là tự mình. Trong kinh Lăng-Nghiêm nói :

“ Bỏ trăm ngàn biển lớn, nhận một bọt nhỏ cho là toàn sóng ”.

Kinh Viên-Giác cũng bảo :

“ Đều là hơi hám vọng tưởng duyên theo sáu trần, chẳng phải tâm thể chân thực ”.

Hòa-Thượng Trường Sa dạy :

“ Người học đạo, chẳng nhận biết cái chân, chỉ vì từ nay nhận Thức thần ”.

Ngài Vĩnh-Gia cũng dạy :

Bỏ pháp tài, diệt công đức, đâu chẳng do tâm,

ý, thức này v. v. . . Phật Tổ há chẳng chỉ bày rành rẽ đó sao? Mà trong đời Pháp mạt bệnh này càng thêm hưng thịnh. Nhưng những người mắc phải bệnh này, cũng do cái chí căn bản học đạo chẳng chân, chẳng chính, mà ra thế ấy. Nếu chí căn bản quyết muốn cùng đầu bờ sinh tử tương-ưng, trọn chẳng khứng ở trong thức tình này, mà đi tập tễnh trên gò đất. Bởi do một niệm ngay lúc ban đầu, chỉ muốn hội Thiên, hội Đạo, hội Phật, hội Pháp. Huống nữa, Thức này như ngàn trượng rào sắt, từ vô thi đến giờ giam chặt y trong đó. Lại như, ngàn binh muôn ky, ngày đêm tai cửa đầu sáu căn dò xét khoảng hở của y. Nếu chẳng đủ để quyết định, căn phải có chí liễu sinh tử thì không có chỗ đến nào mà chẳng phải vào đó vậy.

Vả Tổ sư làm bài minh Tín-Tâm này, thực muốn mở rộng cửa ngõ ngôi nhà uyên-náo, khiến cho kẻ học đạo đời sau, thoát bỏ tình thức, chỉ tin tâm mình, lần lần mà bước vào nhà. Thản như, kẻ học đạo còn chùng ti hào tình thức chẳng sạch, khiến cho lời minh này của Tổ sư liền thành thuốc độc. Sự lợi và hại của nó như thế! Há chẳng thấy hai câu mở đầu Ngài bảo :

“Chí đạo không khó, chỉ đừng lựa chọn” ấy sao? Chỉ hai câu này thôi, mà đem tâm với thức phán rõ, phân giải sáng sủa như trắng với đen.

Vì sao bảo rằng : “Chí đạo không khó”, tức là chỉ chân tâm này. “Chỉ đừng lựa chọn”, tức là phá tình thức đó vậy. Còn như hạng người tình

thức chẳng quên, thấy đây nói thế bèn bảo :

“Ta chỉ chẳng lựa chọn thôi !

Đâu chẳng biết, tức “chẳng lựa chọn” này, sớm đã từ tình thức sinh kiến giải rồi. Huống là lần lần bước vào còn có cảnh riêng để sinh tình nữa ư ? Bởi ý chỉ trước sau trong lời Minh của Tổ sư, niêm lại chỉ thêm, Nguyên bản-hoài của Ngài, đặc biệt chẳng quá, khiến cho người học phải lựa chọn, phân tích tâm cùng với thức kia. Nên mới bảo :

Chẳng phải chỗ suy,  
Thức, tình khôn dò.

Chơn như pháp giới,  
Vô tha vô tự.

*Dịch* : Chân như pháp giới,  
Không người không ta.

Tổ sư bảo : “Chân như pháp giới, không người không ta”. Người nghĩa giải cho rằng :

Chân như pháp giới là tên chung của Nhất-tâm, ngoài tâm không pháp khác, đâu có cái gì xưng gọi là ta, là người. Chẳng những, chẳng lập cái ta và người, cho đến núi sông, đất đai, các loài hữu tình, vô tình cũng đều chẳng có thể được mà lại có. Tuy nói : “chẳng thể được mà có” cũng chẳng ngại gì, vật tượng, ta, người, rầm rộ an lập. Vì sao ? Chân như pháp giới dụ cho vàng, ta, người, vật tượng dụ cho bình, mâm, xoa, xuyên. Nên biết, vàng là thể thực, các món bình, mâm, xoa, xuyên v. v. . . chỉ là tên gọi. Quyền do thực mà đến, quyền thì, ta người vật tượng an trụ chẳng ngại. Hội

quyền về thực, thì chỉ thấy chỗ “Chí thể” của Nhất-chân pháp giới. Ngoài ra, cái tên giả mâm bình đó, chẳng đợi bỏ mà nó tự mất. Người mờ mịt sẽ cho rằng :

Tổ sư chẳng đạt diệu-chỉ viên dung, rõ ràng là đoạn diệt, rơi vào bên không, tạo ra thuyết “không ta, không người”. Đây thì chẳng nên chẳng biện bác.

Yếu cấp tương ưng,  
Duy ngôn bất nhị.

*Dịch* : Cần gấp tương ưng,  
Chỉ nói Bất-nhị.

Tổ sư bảo : “Cần gấp tương ưng, chỉ nói Bất-nhị”. Kẻ nghĩa giải cho rằng :

Tổ sư lập lại chia bày. Đầu tiên bảo :  
“Chỉ đừng lựa chọn”.

Trong khoảng giữa hoặc bảo :

“Một cũng chớ giữ, muôn pháp đồng quán, muôn pháp nhất như v. v. . .”, thấy nhằm diễn bày ý Bất-nhị.

Nhưng chư Phật, chúng sanh đều cùng đến thể Bất-nhị ấy. Nói việc thành Phật, sớm đã thành lời thừa. Chỉ là ước mong gấp được tương ưng. Dường như lối nói chia đôi. Nếu thực có cái lý tương ưng thì rõ ràng biến thành hai rồi. Đặc biệt vấn đề này, chưa từng không nghi ngờ vậy.

Bất nhị giai đồng,  
Vô bất bao dung.

*Dịch* : Bất nhị đều đồng,  
Không gì chẳng dung.

Tổ sư bảo : “ Bất nhị đều đồng, không gì chẳng đồng ”. Hạng Nhất-đẳng theo Chu-Điền-Mặc cho rằng :

Kinh Pháp-Hoa, đức Phật dạy : “ Chỉ đây một việc thực, ngoài hai chẳng phải chân ”. Lại dạy : “ Tất cả các đức Phật, chỉ vì một Phật thừa, không hai cũng không ba ”.

Nói một, tức là tâm thể sáng suốt, màu nhiệm tròn đầy, rời ngoài tu chứng, dọc gồm ba thuở, ngang suốt mười hư, sắc, không, sáng, tối, lấy đó làm nguồn, Phạm, Thánh, Ngộ, Mê chính đó là gốc. Nhân đến, hết thấy pháp giới như cát bụi, thấy có một mảy lông nào chẳng nương nơi đó mà sinh. Thế đều là chỗ chấp của bọn ngoại đạo. Do đó nên nói :

Sum là và, vạn tượng là sở ẩn của một pháp, pháp Bất-nhị cũng đồng với lời “ Không gì chẳng dung, ” chẳng có thể rời ngoài nơi đây vậy.

Thập phương trí giả,  
Giai nhập thủ tông.

*Dịch* : Kể trí mười phương,  
Đều vào tông này.

Tổ sư bảo : “ Kể trí mười phương, đều vào tông này ”. Người nghĩa giải dẫn kinh Hoa-Nghiêm, Phật nói : “ Cảnh giới chân thực của Như Lai, lượng đó bằng hư-không, tất cả chúng sanh vào, kỳ thực không chỗ vào ”. Lại trong kinh Viên-Giác, đức Phật cũng nói :

“ Các người hay vào, có các cái hay vào, thì chẳng biết vào vậy ”.

Nên biết, Tông này, tất cả chúng sanh xưa nay



đã thâm nhập thì đâu còn cái lý lại vào nữa. Chúng sanh đã như thế, thì những kẻ có trí kia chẳng nên cho rằng lại có cái gọi là vào. Hãy nghe đây, Hòa-Thượng Vĩnh-Minh nói :

Môn tâm chân như, lúc đầu không rời nơi đây. Chỉ vì, người mê nên dụ có Ra, với kẻ ngộ nên dụ có Vào, nào phải sự mê, ngộ cách nhau, há thực có cái gọi là Ra, Vào ư ?

Tông phi xúc diên,  
Nhứt niệm vạn niên.

*Dịch* : Tông chẳng ngắn dài,  
Một niệm muôn năm.

Tổ sư bảo : “ Tông chẳng ngắn dài, một niệm muôn năm ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Tổ sư chỉ bày một tâm làm tông. Một tâm trong pháp giới, lấy kiếp làm ngày, chẳng rút ngắn, lấy ngày làm kiếp, chẳng kéo dài thêm. Do đó, nên xem một niệm là muôn năm, chuyển muôn năm làm một niệm, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải ít, chẳng phải nhiều. Đâu phải thần thông mà khiến được thế ấy, mà do các pháp vốn đã như vậy.

Vô tại bất tại,  
Thập phương mục tiền.

*Dịch* : Không còn chẳng còn,  
Mười phương trước mắt.

Tổ sư bảo : “ Không còn chẳng còn, mười phương trước mắt ”. Hoặc có người dùng ý thức suy xét cho rằng :

Tâm chẳng phải là sắc tượng, đạo dứt vương

tròn. Tức sắc tượng mà chẳng ngại, chỗ chỗ, phân thân ; dựa vào sự vuông tròn mà đâu ngại trần trần lộ bày hình ảnh. Trần trần lộ bày hình ảnh, chẳng lìa chỗ hiện tại. Thường lặng lẽ chiếu soi, mà chỗ chỗ phân thân. Còn tìm, tức biết anh chẳng có thể thấy. Đấy gọi là diệu chỉ sáng rõ. “ Không còn chẳng còn, mười phương trước mắt ”.

Cực tiểu đồng đại,  
Vong tuyệt cảnh giới.

*Dịch* : Rất nhỏ đồng lớn,  
Quên hẳn cảnh giới.

Tổ sư bảo : “ Rất nhỏ đồng lớn, quên hẳn cảnh giới ”. Người nghĩa giải đã nói ở đoạn trước rằng :

Không còn chẳng còn.

Chính là tiêu đề :

“ Rất nhỏ đồng lớn, rất lớn đồng nhỏ ”, nên kinh Lăng-Nghiêm đức Phật nói :

Ở trong một đầu lông,  
Hiện bày cõi Bảo-Vương.  
Ngồi trong hạt vi-trần,  
Chuyển bánh xe đại-pháp.

Nếu chẳng đạt diệu chỉ :

“ Không còn chẳng còn ” thì động là bị cảnh giới giam, bị giam trong cảnh thì đâu có cái lý quên hẳn. Đã chẳng có thể quên hẳn cảnh giới thì, lớn là tướng lớn, nhỏ là tướng nhỏ, làm gì có thể dung nhiếp ở trong một thể được ?

Cực đại đồng tiểu,  
Bất kiến biên biểu.

*Dịch* : Rất lớn đồng nhỏ,  
Chẳng thấy biên giới.

Tổ sư bảo : “ Rất lớn đồng nhỏ, chẳng thấy biên giới ”. Người Nhất-đẳng nghĩa giải cho rằng : Xưa đại sĩ Tỳ-da, vận thần lực bất-khả-tư-nghì giải thoát, đem ba muôn hai ngàn tòa sư tử đặt vào trong ngôi tịnh thất vuông vức chỉ một trượng ; thất chẳng chật thêm, tòa cũng chẳng nhỏ bớt. Sau đó, Ngài dùng tay phải nhất lấy thế-giới Diệu-Hỷ, đồng thời bảo khắp đại chúng :

“ Đồi dơi cõi nước chẳng điều động, cõi này cũng chẳng biến cải. Đem cái lớn để vào cái nhỏ, lấy cái nhỏ đặt trong cái lớn, lẫn nhau dung nhau, chẳng phải kia, chẳng phải đây ”. Đó là trong kinh muốn nói : Thần lực bất-tư-nghì giải thoát này, cùng kiếp chẳng kể xiết. Nhưng Thần lực này, không một mảy lông nào mà chẳng từ trong tâm sáng suốt, màu nhiệm của chính mình lưu xuất.

Hoặc giả cho rằng : Nay ta cũng từng ngộ pháp tâm thể sáng suốt màu nhiệm, duyên gì đối với thần lực này, mà chẳng không chứng ? Có nhân gì để đáp ?

Hoặc giả bảo : Nên biết Thần lực này, vốn tự đầy đủ, chẳng cần lại tu chứng. Ông sở dĩ hiện tiền chưa được, là bởi tâm ban sơ vào đạo, đối với sức định, huệ và giải thoát chưa được viên mãn. Tuy chưa được viên mãn, nhưng bản giác ở trong tâm ông, cũng chẳng từng bị mất, chỉ chờ đến lúc, là nó tự hiện thôi. Dù rằng, đến lúc cũng chẳng được

còn trong tâm một niệm đợi chờ. Nếu còn tâm đợi chờ phút giây này, tức lạc vào Di-kiến.

Ví như đứa bé mới sinh, chưa rời khỏi sự bảo bọc của mẹ nó, mà muốn nó gánh vác vật nặng đem ra ngoài xa, nó có thể kham được chăng? Tuy chẳng có thể gánh vác vật nặng đem ra ngoài xa được, nhưng đối với gánh nặng, đi xa, nó cũng chẳng sợ gì, nghi gì?

Cũng thế, dù chẳng được phút giây hiện tiền kia, nhưng chân thực có chỗ sở ngộ. Người sáng suốt, nghe sức lạ lùng này, tự nhiên chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, chẳng lăm lăm, cũng chẳng nghi ngờ. Nếu tâm còn có một mảy kinh sợ, nghi hoặc, tức là còn chứa trong đó, thì đối với tâm này, thực chưa từng chân chính ngộ một cách rõ ràng vậy.

Gần đây, các bậc cao sĩ đi hành khước, chẳng cầu chính ngộ, chỉ quý nói cho thông. Huống nữa, những người đã ở trong địa vị làm Thầy, phần nhiều là lấy cái thuận, dễ trong nhất thời, chẳng chịu cho khêu thực sâu, thực đau. Bỏ, thử thuận theo vọng, đều chẳng phải bực trượng phu. Thấy khiến nơi Bát-nhã, chốn Tông lâm, chỉ quét đất, không có ngày trông mong. Than ôi, đáng thương thay!

Như người có chứa ít khí lực, có thể nhẫn chịu khắc khổ, cố gắng thực hành, lấy đại ngộ làm hạng kỳ, thì đáp được ân sâu của Phật, chẳng hơn ở đây sao? Bởi đức Phật của chúng ta, cũng chưa từng chẳng dự sẵn lời về tệ-trạng ngày nay là:

“Chúng sanh thời mạt, hy vọng thành Phật, không thích cầu ngộ, chỉ thêm đa văn, tăng trưởng

ngã kiến”. Tuy cách Phật hơn ngàn năm rồi, nhưng những lời vàng ngọc đó, như chỉ rõ các nắm tay, càng thấy lời của Thánh-nhân chẳng bao giờ lừa dối ta vậy.

Hữu tức thị vô,

Vô tức thị hữu.

*Dịch* : Có chính là không,  
Không chính là có.

Tổ sư bảo : “ Có chính là không, không chính là có ”. Ở đây, người nghĩa giải cho rằng :

Cái có ấy chẳng tự có, nó có là có với nhà chấp không. Cái không ấy cũng chẳng tự không, nó không là không với nhà chấp có. Cái có chẳng riêng còn, cái không cũng chẳng tự lập. Và người cho rằng có, là trong bụng trước còn cái không chấp-kiến. Sau đó, mới nói rằng kia có. Nếu trong bụng trước chẳng còn cái không kia, thì đâu chịu ở trong cái không, đối đãi, đột nhiên nói rằng có.

Nên biết, không mà chẳng không, tức là có ; Có mà chẳng có, tức là không. Lý có, không vốn từ một nguồn. Đã ở trong một nguồn, nói có thì nhiều cái có kia, nói không thì thừa cái không ấy. Có, không dung lẫn nhau, con đường lời lẽ cũng dứt hẳn. Ấy gọi là “ Diệu chỉ trở về nguồn ” vậy.

Nhược bất như thử,

Tất bất tu thử.

*Dịch* : Ví chẳng như thế,  
Quyết không cần giữ.

Tổ sư bảo : “ Ví chẳng như thế, quyết chẳng cần giữ ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Đây là lời Tổ sư thiết tha khuyên bảo dặn dò. Nghĩa là, phải chân thực sống với Diệu-tịnh-minh-tâm, bản-giác-linh-nguyên, một niệm tương ưng. Cần trực nhận như đã nói trên, một niệm khế hợp. Nếu chẳng như thế, thì những hùng đàm khoát biện kia, đều là kế sống của bọn ngoại đạo, ôm giữ đó ích gì ?

Hoặc giả cho rằng : Nếu chẳng được như vậy, quyết định cần người khế ngộ chân-tâm kia. Câu “ quyết chẳng cần giữ ” đó, là chỉ cho hạng người kia, chẳng cần cái ngộ chân chính, mà chỉ chấp nê nơi lời nói này, cho là đã được ý chỉ. Thuyết này cũng thông.

Nhứt tức nhứt thiết,  
Nhứt thiết tức nhứt.

*Dịch* : Một tức tất cả,  
Tất cả tức một.

Tổ sư bảo : “ Một tức tất cả, Tất cả tức một ”. Hoặc người dẫn trong giáo cho rằng :

Một là một của tất cả, tất cả là tất cả của một, ở một, chẳng ít, ở tất cả, chẳng nhiều. Đây là Tâm, pháp khấp lẫn nhau, một, nhiều hàm-dung, chẳng phải thần-thông khiến được như thế, mà là Pháp-lý vốn như vậy. Nhưng lối này đã có đầy đủ trong các kinh điển rồi, chẳng cần dẫn rộng ra nữa, chỉ thêm rườm rà, chẳng bổ ích gì cho đạo.

Nên biết, Tổ sư của chúng ta làm lời minh này, đến Bất-nhị đều đồng nhau, không chỗ nào mà

chẳng bao dung. E cho người học đạo đời sau, chẳng đạt lý dụng hội này, nên mở đầu ngài đưa ra tướng ngắn dài. Kể chỉ tướng lớn, nhỏ, có, không. Nay lại dùng tướng một, nhiều. Đem vô biên thế giới hải, gồm làm pháp môn Bất-nhị, mở rộng cửa ngõ uyên-áo đối với quần-tượng, khơi bày kho báu của chúng hàm linh. Khiến cho kẻ hậu-học, chẳng động một bước chân mà đến, chẳng cách một mảy bụi mà vào, chẳng tốn một chút công mà thành, chẳng khắc phục các niệm mà chứng. Nguyên đại từ, đã trùm khắp, công đại hóa, rất là bao la vậy.

Đản năng như thị,  
Hà lự bất tất.

*Dịch* : Chỉ được như thế,  
Lo gì chẳng xong.

Tổ sư bảo : “ Chỉ được như thế, lo gì chẳng xong ”. Người nghĩa giải cho rằng :

Trong kinh Pháp-Hoa đức Phật bảo : “ Nay ta vì các ông mà bảo-nhiệm việc này, trọn chẳng còn lo vậy ”.

Tức là ý của Tổ sư :

“ Chỉ được như thế, lo gì chẳng xong ”. Chính các ngài, vì kẻ học đạo đời sau mà nói lời bảo-nhiệm, thành thực muốn sách-lệ khuyến-tấn chúng ta vậy. Trọn thấy rõ nơi đây !

Tín tâm Bất nhị,  
Bất nhị Tín tâm.

*Dịch* : Tín tâm Bất nhị,  
Bất nhị Tín tâm.

Hoặc giả, đem nghĩa giải ý của Tổ sư cho rằng : Chúng sinh vì mê tâm này, các người ấy lâu nay ở trong một pháp vọng sinh phân biệt. Mỗi mỗi đem chia chẻ ra thì không pháp nào mà chẳng đều là hai. Vả thấy mình là mình, hẳn thấy người là khác, ấy gọi là hai pháp Tự, Tha. Từ đây dẫn khởi vô lượng vô số phân biệt, đều không ngoài hai pháp kia. Há có thể dùng toán số, thí dụ, mà biết được giới hạn cùng số lượng đó ư ?

Thế nên, Tổ sư thực là một bà lão, thương xót chúng ta khôn ngần. Ngài riêng đề ra cái chính ấn :

“ Tín tâm là Bất nhị, Bất nhị là Tín tâm ”. Cho nó đương đầu với cái Nhất ấn, để ấn phá. Như căng giềng lưới, thì không một mắt lưới nào chẳng trương. Như nắm gọn cổ áo thì, chẳng một sợi tơ nào mà chẳng thuận. Sấm sét nổi nhanh trong chỗ sâu kín, mặt trời sáng đẹp trên con đường tối tăm. Kể mù, thì nhìn thấy ; người điếc thì nghe tiếng ; kẻ cùng cực, thì thông ; người ngu mê được Trí. Chẳng rời ngoài ngôi nhà mộng, tiến lên trường chân-giác, chẳng cách thân huyền này, mà trực chứng thể kim-cương. Có thể gọi là Thần-được, cái tử hồi sinh, là con đường tốt, bỏ Phàm vào Thánh. Tốt nhất, hay nhất vậy !

Ngôn ngữ đạo đoạn,

Phi cổ lai câm.

*Dịch* : Đường ngôn ngữ bật,

Chẳng phải xưa nay.

Đến đây, người nghĩa giải cho rằng :

Đã là “ Đường ngôn ngữ bật ” thì, thiên “ Minh ” này chẳng hóa ra thừa sao ?



Nếu bảo rằng “Chẳng phải xưa nay” thế mới biết :

Diện mục hiện tiền của Tổ sư.

Dịch xong vào tháng tám năm Nhâm-Tý  
2516 - 1972



- Nếu người mặc-nhiên như cái đồng-la bề trước nhưng người đem lời thố ác cái-vả đến cho mình, tức là người đã tự-tại đi trên đường Niết-bàn, người kia chẳng làm sao tìm sự tranh cãi với người được nữa.
- Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chứ người khác làm sao nương được. Tự mình khéo tu-tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm-mầu.
- Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao. Trong thế gian này, chẳng mấy người sáng-suốt, trông thấy cao xa.

KINH PHÁP CÚ

# TÌM CHƠN-LÝ

## QUYỂN HAI

---

Đối với quý vị chưa đọc quyển I thì sẽ tự hỏi :

— Tại sao phải tìm chơn-lý ?

— Nếu quý vị tự cảm thông xã-hội hiện hữu của VN là xã-hội SOS.

— Nếu quý vị tự thấy tinh-thần mình đang đau khổ trong những cảnh-trạng diễn ra hàng ngày trước mắt quý vị.

— Nếu quý vị mong cầu Chánh Đạo mà chưa thỏa-mãn...

— Đọc **TÌM CHƠN-LÝ II** quý vị sẽ cởi mở được nỗi lòng u-uẩn của mình và sẽ hăng say tiến hành trên con đường phụng-sự dân-tộc nói riêng và thể hiện tình-thương nhân-loại nói chung.

**TÌM CHƠN-LÝ** là soạn phẩm của thời-đại, kết-hợp những « nỗi lòng » vị chủng-tộc, vị nhân-sanh.

Sách do Ngọc-Liên chủ trương với sự hợp tác của Bút-Đoàn Lãng-Nghiêm, trong tinh-thần cố vấn của Thuần-Tâm và Nawami.



# MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA

Trang 7

## PHẦN THỨ NHẤT

### ĐẠI-SƯ TĂNG-XÁN

11

Chương I.— Thiên Tông Ấn-Độ

13

Chương II.— Đại-Sư Tăng-Xán

31

Chương III.— Tín Tâm Minh

36

Thay lời kết luận

37

## PHẦN THỨ HAI

### TÍN TÂM MINH nghĩa giải

61

Lời tựa

63

Sơ dẫn

65

Giải thích đề TÍN TÂM MINH

67

# THIÊN - HỌC TRIẾT - HỌC

## QUYỂN THỨ III

---

Đối với quý vị đã đọc Thiên-Học Triết-Học I và II, tất nhiên đã hiểu những đặc điểm của nó qua lời tựa của Nawami và Thuần-Tâm cùng với ba mục : Tâm ý niệm, Tham thiền Quán tưởng và Triết chơn luận. Trong quyển III này về phần kinh, Thượng Tọa Thích Thanh-Từ đã góp phần công đức bằng sự thỏa thuận cho chúng tôi in vào nơi đây phần Kinh Tạng A-Hàm do chính Ngài đã Việt dịch từ hơi Hán tự.

Đối với quý vị chưa đọc Thiên Học, Triết Học thì chúng tôi thành tâm yêu cầu quý vị nên tìm đọc quyển III để cảm thông Thiên và Triết do người Việt diễn tả chớ không phải là những luận đề dịch thuật của Thiên gia và triết gia ngoại quốc. . .

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)